



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 01

Ngày 10 tháng 01 năm 2022

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HĐND TỈNH

07/12/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 18/2021/NQ-HĐND ban hành Nội quy kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026	4
08/12/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 19/2021/NQ-HĐND quy định diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn tỉnh	14
08/12/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 20/2021/NQ-HĐND sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 119/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh quy định mức phụ cấp đối với từng chức danh; tổng số lượng và mức hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 120/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh quy định về mức phụ cấp, bồi dưỡng kiêm nhiệm, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách; ...	16
08/12/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 21/2021/NQ-HĐND quy định nội dung và mức hỗ trợ đối với Tổ Covid-19 cộng đồng tham gia công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Sơn La	20

08/12/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 22/2021/NQ-HĐND quy định không thu học phí kỳ học II năm học 2021 - 2022 đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông công lập và học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Sơn La	22
08/12/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 23/2021/NQ-HĐND quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh Sơn La	24
08/12/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 24/2021/NQ-HĐND tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 89/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh về chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh đến năm 2020	26

UBND TỈNH

13/12/2021	Quyết định của UBND tỉnh số 45/2021/QĐ-UBND về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La.	28
14/12/2021	Quyết định của UBND tỉnh số 46/2021/QĐ-UBND về việc phân cấp một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.	54
15/12/2021	Quyết định của UBND tỉnh số 47/2021/QĐ-UBND về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	62

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

07/12/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 48/NQ-HĐND thông qua những nội dung Thường trực HĐND tỉnh đã xem xét, giải quyết theo đề nghị của UBND tỉnh từ kỳ họp thứ hai đến Kỳ họp thứ ba của HĐND tỉnh	65
------------	---	----

UBND TỈNH

08/12/2021	Chỉ thị của UBND tỉnh số 34/CT-UBND về việc thực hiện các giải pháp đảm bảo cân đối cung cầu, tăng cường công tác quản lý, điều hành bình ổn giá cả thị trường, đảm bảo trật tự an toàn xã hội dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022.	68
10/12/2021	Chỉ thị của UBND tỉnh số 35/CT-UBND về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Sơn La “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”.	78
13/12/2021	Chỉ thị của UBND tỉnh số 36/CT-UBND về cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự tết Dương lịch, tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 và các sự kiện lớn của đất nước	83

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2021/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 07 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Nội quy kỳ họp HĐND tỉnh khoá XV, nhiệm kỳ 2021 – 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hướng dẫn một số hoạt động của HĐND;

Xét Tờ trình số 100/TTr-PC ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 69/BC-DT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Nội quy kỳ họp HĐND tỉnh khoá XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thường trực HĐND tỉnh tổ chức thực hiện và giám sát, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết.

2. Đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu mời dự kỳ họp, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thi hành Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La, khóa XV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH tỉnh; HĐND tỉnh; UBND tỉnh; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HDND, UBND tỉnh;
- Thường trực huyện ủy, thành ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam các huyện, thành phố;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Các Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT.CTHĐND.Thắng

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NỘI QUY

Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh)

Điều 1. Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Kỳ họp HĐND tỉnh là hoạt động để HĐND tỉnh quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

2. HĐND tỉnh họp thường lệ ít nhất mỗi năm hai kỳ, kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ do HĐND tỉnh quyết định tại kỳ họp cuối năm trước đó.

3. HĐND tỉnh họp chuyên đề, họp giải quyết công việc phát sinh, đột xuất theo yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh hoặc Chủ tịch HĐND tỉnh hoặc khi có ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND tỉnh đề nghị.

4. Hình thức làm việc tại kỳ họp HĐND tỉnh gồm phiên họp toàn thể và phiên thảo luận tổ (nếu xét thấy cần thiết). Các phiên họp tại kỳ họp được tiến hành công khai, trừ trường hợp HĐND tỉnh quyết định họp kín.

5. Căn cứ tình hình thực tiễn về giải quyết một số nội dung phát sinh đột xuất, cấp bách hoặc do yêu cầu phòng chống dịch bệnh, Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định việc tổ chức kỳ họp HĐND tỉnh bằng hình thức trực tuyến.

Điều 2. Phiên họp trừ bị của Hội đồng nhân dân tỉnh

Trước khi khai mạc kỳ họp, HĐND tỉnh có thể họp phiên trừ bị để xem xét, thông qua chương trình kỳ họp và tiến hành một số nội dung khác do HĐND tỉnh quyết định theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 3. Khai mạc, bế mạc kỳ họp

1. Chủ tịch HĐND tỉnh khai mạc và bế mạc kỳ họp

2. HĐND tỉnh tiến hành lễ chào cờ trước khi khai mạc và sau khi bế mạc của Chủ tịch HĐND tỉnh.

Điều 4. Chương trình kỳ họp

1. Căn cứ quy định của pháp luật, Nghị quyết của HĐND tỉnh, và đề nghị của Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự tỉnh, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh dự kiến chương trình kỳ họp HĐND.

2. Dự kiến chương trình kỳ họp HĐND tỉnh được gửi xin ý kiến đại biểu HĐND tỉnh, các cơ quan, tổ chức liên quan chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp đối với kỳ họp thường lệ; chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp đối với kỳ họp chuyên đề.

3. Chương trình kỳ họp được xem xét, biểu quyết thông qua theo trình tự sau đây:

a) Thường trực HĐND tỉnh báo cáo về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự kiến chương trình kỳ họp HĐND tỉnh.

b) HĐND tỉnh xem xét, thông qua chương trình kỳ họp.

4. Trường hợp cần thiết, căn cứ vào đề nghị của Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh, HĐND tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung chương trình kỳ họp đã được thông qua theo trình tự sau đây:

a) Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh việc sửa đổi, bổ sung chương trình kỳ họp HĐND tỉnh;

b) HĐND tỉnh xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung chương trình kỳ họp HĐND tỉnh.

5. Chương trình kỳ họp và việc sửa đổi, bổ sung chương trình kỳ họp phải được quá nửa tổng số đại biểu HĐND tỉnh biểu quyết thông qua.

Điều 5. Chủ tọa kỳ họp

1. Chủ tịch HĐND tỉnh chủ tọa kỳ họp và các phiên họp của HĐND tỉnh và phân công Phó Chủ tịch HĐND tỉnh giúp điều hành các phiên họp của HĐND tỉnh.

2. Điều hành phiên họp theo chương trình đã được HĐND tỉnh thông qua; đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh chương trình khi cần thiết.

3. Dự kiến các vấn đề đưa ra thảo luận tại phiên họp toàn thể và phiên họp thảo luận tổ (nếu có); chỉ đạo việc tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu tại phiên họp.

4. Bảo đảm thảo luận dân chủ, tạo điều kiện để các đại biểu đóng góp ý kiến tại kỳ họp.

5. Chỉ đạo việc tiếp thu ý kiến của đại biểu và chỉnh lý dự thảo Nghị quyết.

6. Điều hành để HĐND tỉnh biểu quyết thông qua Nghị quyết, Chương trình kỳ họp và các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh.

Điều 6. Thư ký kỳ họp

Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện công tác thư ký kỳ họp với các nội dung sau:

1. Lập danh sách đại biểu HĐND tỉnh có mặt, vắng mặt trong các phiên họp, kỳ họp của HĐND tỉnh; đề báo cáo Chủ tọa kỳ họp, báo cáo kỳ họp.
2. Ghi biên bản về diễn biến của phiên họp, kỳ họp;
3. Tổng hợp đầy đủ, trung thực ý kiến của đại biểu HĐND tại phiên họp toàn thể và tại cuộc họp Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
4. Giúp Chủ tọa kỳ họp thực hiện quy trình, thủ tục tại phiên họp, kỳ họp, cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về phiên họp, kỳ họp;
5. Trình Chủ tọa kỳ họp, Chủ tịch HĐND tỉnh ký chứng thực các dự thảo Nghị quyết của kỳ họp.
6. Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 7. Trách nhiệm của đại biểu HĐND tỉnh

1. Chấp hành Nội quy kỳ họp, tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp của HĐND tỉnh; tham gia ý kiến vào phiếu xin ý kiến về các văn bản trình tại kỳ họp, biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh.

Trường hợp không thể tham dự kỳ họp, đại biểu HĐND tỉnh phải có văn bản báo cáo và nêu rõ lý do gửi Tổ trưởng Tổ đại biểu, đồng thời gửi Chủ tịch HĐND tỉnh xem xét, quyết định (*qua Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh 01 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp*); nếu không tham dự được một phần hoặc toàn bộ thời gian phiên họp của kỳ họp, đại biểu phải báo cáo trực tiếp để Chủ tọa xem xét, quyết định.

2. Đại biểu HĐND tỉnh trả lời phỏng vấn và cung cấp thông tin về kỳ họp HĐND tỉnh phải bảo đảm chính xác, khách quan; không tiết lộ thông tin, tài liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước, nội dung các phiên họp kín của HĐND tỉnh.

3. Sử dụng, bảo quản tài liệu, phù hiệu, phiếu số, giấy chứng nhận đại biểu HĐND tỉnh theo quy định.

4. Tập trung trí tuệ nghiên cứu tài liệu, tích cực tham gia thảo luận, phát biểu ý kiến tại các kỳ họp, nếu đại biểu HĐND tỉnh cần phát biểu thì giơ phiếu số xin ý kiến Chủ tọa kỳ họp; thực hiện biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín theo quyết định của HĐND tỉnh tại kỳ họp.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp

1. Tổ trưởng tổ đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm tổ chức để đại biểu trong Tổ thực hiện chương trình kỳ họp, phiên họp, Nội quy kỳ họp và các quy định khác về kỳ họp HĐND tỉnh; tham gia thảo luận tại kỳ họp, tổ chức và điều hành các hoạt động của Tổ tại kỳ họp; theo dõi và báo cáo danh sách các đại biểu trong Tổ có mặt, vắng mặt ở từng phiên họp cho thư ký kỳ họp; giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

2. Tổ phó Tổ đại biểu HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ trưởng.

Điều 9. Khách mời tham dự kỳ họp

Thường trực HĐND tỉnh căn cứ Điều 81, Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 để mời đại biểu dự kỳ họp.

Người được mời tham dự kỳ họp được phát biểu ý kiến về vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực do mình phụ trách nếu được chủ tọa phiên họp đồng ý hoặc có trách nhiệm phát biểu ý kiến theo yêu cầu của HĐND tỉnh hoặc chủ tọa phiên họp.

Điều 10. Trình bày dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án tại kỳ họp

Người trình bày các báo cáo, tờ trình, dự thảo Nghị quyết tại kỳ họp phải trình bày theo văn bản đã được chuẩn bị; thời gian không quá 15 phút/văn bản, trừ trường hợp đặc biệt theo quyết định của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 11. Thảo luận tại kỳ họp

1. Chủ tọa nêu nội dung đề nghị đại biểu HĐND tỉnh tập trung thảo luận.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đăng ký phát biểu.

3. Chủ tọa mời từng đại biểu HĐND tỉnh phát biểu.

4. Đại biểu HĐND tỉnh phát biểu tập trung vào nội dung của phiên thảo luận; thời gian phát biểu do chủ tọa kỳ họp quy định cụ thể nhưng tối đa không quá 10 phút. Chủ tọa kỳ họp có quyền nhắc đại biểu nếu phát biểu không đúng trọng tâm nội dung thảo luận hoặc quá thời gian quy định.

Trường hợp đại biểu HĐND tỉnh đã đăng ký mà chưa được phát biểu hoặc đã phát biểu nhưng chưa hết ý kiến do thời gian phát biểu đã hết thì gửi ý kiến bằng văn bản đến thư ký kỳ họp để tập hợp, báo cáo Chủ tọa kỳ họp.

5. Chủ tọa kỳ họp phát biểu kết thúc phiên họp.

Điều 12. Chất vấn tại kỳ họp

1. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, đại biểu HĐND tỉnh ghi vấn đề chất vấn, người bị chất vấn vào phiếu chất vấn và gửi đến Thường trực HĐND tỉnh.

Trong thời gian HĐND tỉnh họp, đại biểu HĐND cần chất vấn bổ sung thì đăng ký vấn đề chất vấn (*bằng phiếu chất vấn*) gửi Thường trực HĐND tỉnh (*qua thư ký kỳ họp*) trước khi diễn ra phiên họp chất vấn.

2. Căn cứ vào chương trình kỳ họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề cử tri quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh quyết định nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn.

3. Trình tự chất vấn tại kỳ họp

a) Đại biểu HĐND tỉnh nêu chất vấn, có thể cung cấp thông tin minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể; thời gian không quá 05 phút.

b) Người bị chất vấn phải trả lời trực tiếp, đầy đủ vào vấn đề mà đại biểu HĐND tỉnh đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập (nếu có); thời gian trả lời mỗi vấn đề không quá 10 phút.

c) Đại diện cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan được mời tham dự phiên họp có trách nhiệm trả lời chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh về vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.

4. Trường hợp cần thiết, Chủ tọa có quyền kéo dài thời gian chất vấn và trả lời chất vấn; yêu cầu đại biểu HĐND tỉnh nêu câu hỏi chất vấn đúng với vấn đề chất vấn hoặc thời gian quy định, người bị chất vấn trả lời đúng trọng tâm chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh và thời gian quy định.

5. Trường hợp đại biểu HĐND tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền chất vấn lại để người bị chất vấn trả lời theo điều hành của Chủ tọa kỳ họp hoặc yêu cầu người bị chất vấn tiếp tục trả lời chất vấn nội dung không đồng ý tại phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất (*Người chất vấn và người bị chất vấn được mời dự phiên họp Thường trực HĐND tỉnh*).

6. Trường hợp đại biểu HĐND tỉnh đã đăng ký mà chưa được phát biểu hoặc đã phát biểu nhưng chưa hết ý kiến do thời gian phát biểu đã hết, thì Chủ tọa kỳ họp đề nghị HĐND tỉnh yêu cầu người bị chất vấn trả lời chất tại phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh để báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất (*Người chất vấn và người bị chất vấn được mời dự phiên họp Thường trực HĐND tỉnh*).

7. Người bị chất vấn được HĐND tỉnh biểu quyết cho trả lời chất vấn bằng văn bản theo đề nghị của Chủ tọa kỳ họp trong các trường hợp sau đây:

- a) Chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp;
- b) Vấn đề chất vấn cần được điều tra, xác minh;
- c) Chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp nhưng chưa được trả lời tại kỳ họp.

Khi được HĐND tỉnh biểu quyết nhất trí cho trả lời chất vấn bằng văn bản, người bị chất vấn phải có văn bản trả lời trực tiếp gửi đến đại biểu HĐND đã chất vấn, Thường trực HĐND tỉnh trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày chất vấn.

Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu HĐND không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền đề nghị HĐND tỉnh thảo luận tại kỳ họp hoặc kiến nghị HĐND tỉnh xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn; hoặc yêu cầu người bị chất vấn tiếp tục trả lời chất vấn nội dung không đồng ý tại phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất (*Người chất vấn được mời dự phiên họp Thường trực HĐND tỉnh*).

Điều 13. Biểu quyết tại phiên họp

1. HĐND tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau đây:

a) Biểu quyết công khai bằng hình thức giơ tay đối với các vấn đề sau đây:

- Thông qua chương trình kỳ họp và điều chỉnh chương trình kỳ họp;
- Bầu Ban kiểm phiếu;
- Thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Quyết định các nội dung khác (nếu có), trừ các nội dung nêu tại Điểm b Khoản 1 Điều này.
- Biểu quyết một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh nhưng không cần thiết phải bỏ phiếu kín.

b) Biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín đối với các vấn đề sau đây:

- Bầu chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Quyết định các vấn đề khác mà HĐND tỉnh xét thấy cần thiết phải dùng hình thức bỏ phiếu kín.

c) Hình thức biểu quyết do HĐND tỉnh quyết định được ghi trong Chương trình kỳ họp.

2. Trình tự biểu quyết tại phiên họp toàn thể tiến hành như sau:

a) Chủ tọa phiên họp nêu rõ nội dung vấn đề HĐND tỉnh cần biểu quyết;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết;

c) Chủ tọa phiên họp báo cáo kết quả biểu quyết trong trường hợp biểu quyết bằng giơ tay. Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu trong trường hợp biểu quyết bằng bỏ phiếu kín.

3. Đại biểu HĐND tỉnh có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc từ bỏ quyền biểu quyết.

4. Trường hợp cần biểu quyết lại một vấn đề đã được HĐND tỉnh biểu quyết thông qua nhưng chưa có hiệu lực thi hành thì Thường trực HĐND tỉnh tự mình hoặc theo đề nghị của ít nhất 20% tổng số đại biểu HĐND tỉnh hoặc đề nghị của cơ quan trình dự án, đề án, dự thảo Nghị quyết, báo cáo, cơ quan thẩm tra đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định việc biểu quyết lại theo trình tự như sau:

a) Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh việc biểu quyết lại;

b) HĐND tỉnh xem xét, thông qua việc biểu quyết lại bằng hình thức giơ tay. Việc biểu quyết lại được tiến hành khi có quá nửa tổng số đại biểu HĐND tỉnh nhất trí.

Điều 14.

1. Khi cần thiết, Thường trực Lấy ý kiến đại biểu HĐND tỉnh bằng hình thức phiếu xin ý kiến HĐND tỉnh tổ chức lấy ý kiến các đại biểu HĐND tỉnh về các nội dung của kỳ họp bằng hình thức phiếu xin ý kiến.

2. Đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm thể hiện ý kiến vào phiếu xin ý kiến và gửi lại thư ký kỳ họp đúng thời hạn.

3. Thư ký kỳ họp gửi, thu phiếu xin ý kiến; tập hợp, tổng hợp kết quả phiếu xin ý kiến và báo cáo Chủ tọa kỳ họp để báo cáo HĐND tỉnh.

Điều 15. Trang phục của đại biểu dự kỳ họp

1. Tại phiên khai mạc, phiên bế mạc các kỳ họp, đại biểu mặc lễ phục.

a) Đối với nam: Bộ Comple; quần âu, áo sơ mi trắng dài tay, Cravat hoặc trang phục dân tộc.

b) Đối với nữ: Áo dài truyền thống hoặc trang phục dân tộc.

c) Đại biểu thuộc lực lượng vũ trang: Mặc lễ phục theo quy định đối với lực lượng vũ trang.

2. Tại các phiên họp trực tuyến và các phiên họp khác.

a) Đối với nam, nữ: Trang phục công sở; trang phục dân tộc.

b) Đại biểu thuộc lực lượng vũ trang: Mặc quân phục theo quy định đối với lực lượng vũ trang.

3. Khuyến khích các đại biểu mặc lễ phục, trang phục dân tộc trong thời gian diễn ra kỳ họp.

Điều 16. Về đeo phù hiệu và thời gian làm việc của kỳ họp

1. Đại biểu HĐND tỉnh phải đeo phù hiệu đại biểu, các đại biểu mời dự kỳ họp phải đeo phù hiệu đại biểu mời của kỳ họp. Nhân viên phục vụ kỳ họp phải đeo phù hiệu của kỳ họp và có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ theo sự phân công của lãnh đạo Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh.

2. Đại biểu dự kỳ họp, cơ quan, tổ chức, cá nhân phục vụ kỳ họp phải dự họp đúng giờ, ngồi đúng vị trí quy định; không hút thuốc lá, đi lại tự do, giải quyết việc khác ngoài nội dung của kỳ họp trong phòng họp; không sử dụng điện thoại di động và các thiết bị điện tử không phục vụ cho nội dung của kỳ họp; không uống rượu, bia trước và khi thực hiện nhiệm vụ đại biểu dự kỳ họp.

3. Thời gian làm việc của kỳ họp

a) Buổi sáng: Từ 8h00' - 11h30'.

b) Buổi chiều: Từ 14h00' - 17h30'.

c) Buổi tối (nếu có): Từ 19h30' - 22h30'.

d) Tùy theo tính chất của phiên họp, kỳ họp, Thường trực HĐND tỉnh có thể quyết định thời gian họp sớm hơn hoặc muộn hơn theo quy định tại các Khoản a, b, c Điều này.

Điều 17. Chế độ của đại biểu dự kỳ họp

1. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh trực tiếp thực hiện và thanh toán các chế độ của đại biểu theo quy định hiện hành, cụ thể:

a) Bố trí đại biểu các huyện ăn, nghỉ tập trung;

b) Thanh toán chế độ của đại biểu;

c) Phối hợp với Văn phòng HĐND, UBND các huyện, thành phố bố trí xe đưa đón đại biểu HĐND tỉnh và đại diện cử tri ở các huyện đến địa điểm ăn, nghỉ tập trung và đến hội trường họp (*theo chương trình kỳ họp*);

d) Bố trí phòng trực Y tế tại hội trường nơi tổ chức kỳ họp và nơi nghỉ tập trung để phục vụ đại biểu khám và điều trị bệnh trong thời gian diễn ra kỳ họp;

2. Các xe đưa đón đại biểu dự kỳ họp có dán biển.

a) Xe của Trung ương: Biển chữ A.

b) Xe của địa phương: Biển chữ B.

Trong quá trình thực hiện nếu có nội dung cần thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tiễn, Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND xem xét, quyết định./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2021/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở
hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú;

Xét Tờ trình số 231 /TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-BPC ngày 05 tháng 12 năm 2021 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn tỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Công dân Việt Nam sinh sống trên địa bàn tỉnh Sơn La có nhu cầu đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ.

b) Chủ sở hữu hợp pháp của nhà cho thuê, mượn, ở nhờ.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ.

3. Diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn tỉnh là 08 m² sàn/người.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- Bộ Công an; Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND; UBND; Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thành phố;
- Đảng ủy; HĐND, UBND, Ban công tác mặt trận xã, phường, thị trấn;
- Các Trung tâm: Thông tin; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, PC, CT HĐND, Hương.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2021/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 119/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phụ cấp đối với từng chức danh; tổng số lượng và mức hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 120/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh quy định về mức phụ cấp, bồi dưỡng kiêm nhiệm, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động và mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia vào công việc của bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 249/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-BPC ngày 05 tháng 12 năm 2021 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 119/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh quy định mức phụ cấp đối với từng chức danh; tổng số lượng và mức hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh

1. Sửa đổi Điều 3.1 Khoản 3 Điều 1 như sau:

“3.1. Mức hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc, được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và chế độ bảo hiểm y tế. Mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thực hiện theo Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế hiện hành”.

2. Bổ sung Khoản 7 Điều 1 như sau:

“7. Hỗ trợ đối với các chức danh được bố trí đồng thời là Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp xã trên địa bàn tỉnh.

a) Chức danh được bố trí đồng thời là chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp xã: 0,25 mức lương cơ sở/người/tháng (*mức hỗ trợ không dùng để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế*).

b) Chức danh được bố trí đồng thời là phó chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp xã: 0,2 mức lương cơ sở/người/tháng (*mức hỗ trợ không dùng để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế*”).

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 120/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh quy định về mức phụ cấp, bồi dưỡng kiêm nhiệm, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động và mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia vào công việc của bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Mức phụ cấp hằng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở bản:

STT	Chức danh	Mức phụ cấp/mức lương cơ sở/tháng (Mức phụ cấp đã bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế)		
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3
1	Bí thư chi bộ	1,1	0,9	0,75
2	Trưởng bản	1,1	0,9	0,75
3	Trưởng ban công tác mặt trận	0,85	0,75	0,65
	Tổng số	3,05	2,55	2,15

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 1 như sau:

“3. Hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với bản

Loại bản	Hỗ trợ kinh phí hoạt động (đồng/bản/năm)		
	Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3
Mức hỗ trợ	1.500.000	1.300.000	1.100.000

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 1 như sau:

“4.1. Mức bồi dưỡng đối với một số chức danh khác ở bản

STT	Chức danh	Đồng/người/tháng		
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3
1	Phó trưởng bản, tiểu khu, tổ dân phố	230.000	200.000	170.000
2	Nhân viên thú y bản thuộc xã	200.000	170.000	150.000

4.2. Khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức ở bản

STT	Tên tổ chức	Mức khoán kinh phí hoạt động (đồng/tổ chức/năm)			Nội dung chi
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
1	Ban công tác mặt trận	1.000.000	900.000	800.000	Chi hỗ trợ hoạt động của tổ chức; Trường hợp chi bồi dưỡng đối với chức danh khác (không bao gồm, Trưởng ban Công tác mặt trận) thì mức chi không quá 60%.

STT	Tên tổ chức	Mức khoán kinh phí hoạt động (đồng/tổ chức/năm)			Nội dung chi
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
2	Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Chi hội Nông dân, Chi hội Hội Liên hiệp phụ nữ, Chi hội Cựu chiến binh; Tổ Bảo vệ dân phố (đối với phường)	3.500.000	3.000.000	2.600.000	Chi bồi dưỡng chức danh 75%; chi hỗ trợ hoạt động 25%
3	Chi hội Hội người cao tuổi	3.000.000	2.600.000	2.300.000	Chi bồi dưỡng chức danh 75%; chi hỗ trợ hoạt động 25%

4. Sửa đổi, bổ sung điểm 5.1 khoản 5 Điều 1 như sau:

“5.1. Người hoạt động không chuyên trách ở bản được cấp có thẩm quyền quyết định bố trí đồng thời hoặc kiêm nhiệm thêm 01 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở bản mà giảm được 01 người, thì được hưởng thêm 80% mức phụ cấp của chức danh được bố trí đồng thời hoặc kiêm nhiệm”.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Nội vụ; Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh; Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, Đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin tỉnh; Chi cục Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, Ban công tác mặt trận xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, PC, CTHĐND, Hương.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2021/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung và mức hỗ trợ đối với Tổ COVID-19 cộng đồng
tham gia công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 253/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 127/BC-VHXXH ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban Văn hoá - Xã hội của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định nội dung và mức hỗ trợ đối với Tổ COVID-19 cộng đồng tham gia công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Tổ COVID-19 cộng đồng tại các thôn, xóm, bản, tiểu khu, tổ dân phố (sau đây gọi tắt là *bản*) được thành lập theo quyết định của cấp có thẩm quyền để thực hiện các nhiệm vụ về công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

2.1. Nội dung hỗ trợ

Tổ COVID-19 cộng đồng hoạt động tại bản, theo hình thức khoán gọn.

2.2. Mức hỗ trợ

a) Tổ COVID-19 cộng đồng hoạt động tại bản thuộc địa bàn phường, thị trấn, thị tứ, trung tâm xã:

- Quản lý từ 40 đến 50 hộ, mức hỗ trợ: 250.000 đồng/tổ/tháng
- Quản lý từ 51 đến 60 hộ, mức hỗ trợ: 300.000 đồng/tổ/tháng
- Quản lý từ 61 đến 70 hộ, mức hỗ trợ: 350.000 đồng/tổ/tháng
- Quản lý từ 71 đến 79 hộ, mức hỗ trợ: 400.000 đồng/tổ/tháng

b) Tổ COVID-19 cộng đồng hoạt động tại bản thuộc địa bàn xã:

- Quản lý từ 40 đến 50 hộ, mức hỗ trợ: 300.000 đồng/tổ/tháng
- Quản lý từ 51 đến 60 hộ, mức hỗ trợ: 350.000 đồng/tổ/tháng
- Quản lý từ 61 đến 70 hộ, mức hỗ trợ: 400.000 đồng/tổ/tháng
- Quản lý từ 71 đến 79 hộ, mức hỗ trợ: 450.000 đồng/tổ/tháng

c) Đối với bản thuộc xã có quy mô dưới 40 hộ được thành lập 1 tổ COVID-19 cộng đồng, mức hỗ trợ: 300.000 đồng/tổ/tháng.

3. Thời gian thực hiện chính sách từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4. Nguồn kinh phí

Ngân sách địa phương theo phân cấp (50% ngân sách tỉnh; 50% ngân sách huyện).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND, các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp; Bộ Y tế;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; UBND tỉnh.
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TT huyện ủy, thành ủy; HĐND, UBND, UBND tỉnh các huyện, thành phố;
- TT Đảng ủy; HĐND, UBND, UBND xã, phường thị trấn;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu VT, Bắc (450b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2021/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định không thu học phí học kỳ II năm học 2021 - 2022 đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông công lập và học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Sơn La

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Điều 17, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 223/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 127/BC-VHXXH ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban Văn hoá - Xã hội của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định không thu học phí học kỳ II năm học 2021 - 2022 đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông công lập và học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Sơn La, như sau:

1. Đối tượng áp dụng

Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông học tại các cơ sở giáo dục công lập và học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông.

2. Thời gian không thu học phí

Học kỳ II, năm học 2021 - 2022 (*thời gian trẻ em, học sinh và học viên học thực tế*).

3. Kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách nhà nước cấp bù kinh phí do không thu học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông học tại các cơ sở giáo dục công lập và học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông.

Điều 2. Tổ chức thực hiện**1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.**

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài Chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế: Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- TT HĐND; UBND; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Đoàn thể của tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT huyện ủy, Thành ủy, HĐND; UBND huyện, thành phố;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Các Trung tâm: Thông tin tỉnh, Chi cục Văn thư - Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Bắc (450b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2021/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non
và phổ thông công lập năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Khoản 1, Điều 9, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 224/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 127/BC-VHXH ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban Văn hoá - Xã hội của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh, như sau:

STT	Cấp học	Đơn vị tính	Khu vực và mức học phí			
			Phường, thị trấn	Xã khu vực I	Xã khu vực II	Xã khu vực III
1	Giáo dục mầm non	Đồng/tháng/học sinh	38.000	20.000	15.000	12.000
2	Giáo dục phổ thông (Cấp THCS, THPT)	Đồng/tháng/học sinh	52.000	28.000	20.000	13.000

- Xã khu vực I, II, III theo danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

- Mức thu học phí đối với từng học sinh căn cứ theo hộ khẩu thường trú của học sinh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và thay thế Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh kéo dài thời hạn áp dụng đối với 02 Nghị quyết của HĐND tỉnh về quy định mức học phí đến hết năm học 2021 - 2022.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khóa XV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- TT HĐND; UBND; UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Đoàn thể của tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT huyện ủy, Thành ủy, HĐND; UBND huyện, thành phố;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Các Trung tâm: Thông tin tỉnh, Chi cục Lưu trữ - lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Bắc (450b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2021/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 89/2018/NQ-HĐND
ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh về chính sách phòng, chống
và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh đến năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy
ngày 03 tháng 6 năm 2008;*

*Xét Tờ trình số 222/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 của UBND
tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 127/BC-VHXXH ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban
Văn hoá - Xã hội của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 89/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh đến khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết mới.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UB MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, ĐDBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy; Thành ủy; HĐND; UBND; UBMTTQ huyện, TP;
- TT Đảng ủy; HĐND, UBND, UBMTTQ xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Bắc (450b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/2021/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 13 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 41/2011/QĐ-TTg ngày 03 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc chỉ định doanh nghiệp thực hiện duy trì, quản lý mạng bưu chính công cộng, cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ bưu chính quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của liên Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan, đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Sơn La về cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ; trình tự và thời gian thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tư pháp, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Bộ Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Trung tâm phục vụ Hành chính Công tỉnh Sơn La;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 25 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện
thủ tục hành chính của từng cơ quan, đơn vị có liên quan trong lĩnh vực
đất đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La**
(Kèm theo Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai gồm: Hòa giải, giải quyết tranh chấp đất đai; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất *(sau đây gọi là Giấy chứng nhận)* theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La *(Khoản 2 Điều 62 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)*.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức dịch vụ công về đất đai và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan; công chức địa chính xã, phường, thị trấn.
2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 Luật Đất đai năm 2013.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất.

Điều 3. Thời gian tăng thêm và thời gian thực hiện thủ tục hành chính

1. Đối với trường hợp sử dụng đất tại các xã thuộc Khu vực II, Khu vực III trên địa bàn tỉnh Sơn La *(theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025)* thời gian giải quyết thủ tục hành chính được tăng thêm không quá 10 ngày và được phân bổ cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường *(Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường)*, trừ thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai.

2. Thời gian thực hiện các thủ tục hành chính được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận, giải quyết hồ sơ tại xã; không tính thời

gian thông báo niêm yết hoặc đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương; không tính thời gian xác định giá đất cụ thể, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; thời gian thực hiện trích đo địa chính, thời gian thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng; thời gian làm thủ tục cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; thời gian xem xét, xử lý đối với trường hợp vi phạm pháp luật; thời gian trưng cầu giám định và thời gian luân chuyển hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục I **QUY ĐỊNH VỀ CƠ QUAN TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT THỦ TỤC;** **THỜI GIAN THỰC HIỆN THỦ TỤC HÒA GIẢI, GIẢI QUYẾT** **TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI**

Điều 4. Nơi tiếp nhận hồ sơ hòa giải, giải quyết tranh chấp đất đai

1. Trường hợp hòa giải tranh chấp đất đai: Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp xã.

2. Trường hợp giải quyết tranh chấp đất đai

a) Thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện: Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (*sau đây gọi là bộ phận một cửa cấp huyện*).

b) Thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh: Nộp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La.

3. Cách thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến.

Điều 5. Thời gian thực hiện thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai

1. Nơi tiếp nhận hồ sơ: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này.

2. Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 40 ngày, UBND cấp xã thực hiện các công việc, cụ thể:

a) Thực hiện thẩm tra, xác minh tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất. Thời gian thực hiện không quá 20 ngày.

b) Thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai để thực hiện hòa giải. Thời gian thực hiện không quá 03 ngày.

c) Tổ chức cuộc họp hòa giải có sự tham gia của các bên tranh chấp, thành viên Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lập biên bản hòa giải theo quy định. Thời gian thực hiện không quá 03 ngày.

d) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà các bên tranh chấp có ý kiến bằng văn bản về nội dung khác với nội dung đã thống nhất trong biên bản hòa giải thành thì Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức lại cuộc họp Hội đồng hòa giải để xem xét giải quyết đối với ý kiến bổ sung và phải lập biên bản hòa giải thành hoặc không thành.

đ) Trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi hiện trạng về ranh giới sử dụng đất, chủ sử dụng đất thì UBND cấp xã gửi biên bản hòa giải thành đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định tại Khoản 5 Điều 202 Luật Đất đai. Thời gian thực hiện không quá 04 ngày.

e) Trường hợp hòa giải không thành hoặc sau khi hòa giải thành mà có ít nhất một trong các bên thay đổi ý kiến về kết quả hòa giải thì UBND cấp xã lập biên bản hòa giải không thành và hướng dẫn các bên tranh chấp gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp tiếp theo.

Điều 6. Thời gian thực hiện thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND các cấp

1. Nơi tiếp nhận hồ sơ: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quy định này.

2. Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh: Thời hạn giải quyết thủ tục không quá 50 ngày, cụ thể:

a) Chủ tịch UBND tỉnh giao tham mưu giải quyết. Thời gian thực hiện không quá 03 ngày.

b) Cơ quan tham mưu có nhiệm vụ thẩm tra, xác minh vụ việc, tổ chức hòa giải giữa các bên tranh chấp, tổ chức cuộc họp các ban, ngành có liên quan để tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai (nếu cần thiết) và hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai. Thời gian thực hiện không quá 40 ngày.

c) Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ký quyết định giải quyết tranh chấp hoặc quyết định công nhận hòa giải thành, gửi cho các bên tranh chấp có quyền và nghĩa vụ liên quan. Thời gian thực hiện không quá 07 ngày.

3. Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện, thành phố (sau đây gọi là cấp huyện): Thời hạn giải quyết thủ tục không quá 35 ngày, cụ thể:

a) Chủ tịch UBND cấp huyện giao tham mưu giải quyết. Thời gian thực hiện không quá 02 ngày.

b) Cơ quan tham mưu có nhiệm vụ thẩm tra, xác minh vụ việc, tổ chức hòa giải giữa các bên tranh chấp, tổ chức cuộc họp các ban, ngành có liên quan để tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai (nếu cần thiết) và hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai. Thời gian thực hiện không quá 28 ngày.

c) Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, ký quyết định giải quyết tranh chấp hoặc quyết định công nhận hòa giải thành, gửi cho các bên tranh chấp có quyền và nghĩa vụ liên quan. Thời gian thực hiện không quá 05 ngày.

Mục II

QUY ĐỊNH VỀ CƠ QUAN TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT; THỜI GIAN THỰC HIỆN THỦ TỤC: CHẤP THUẬN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG, GÓP VỐN, THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP; THẨM ĐỊNH NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT; THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 7. Nơi tiếp nhận và trả kết quả

1. Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (*sau đây gọi tắt là tổ chức*).

2. Bộ phận một cửa cấp huyện tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam (*sau đây gọi tắt là hộ gia đình, cá nhân*).

3. Cách thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến.

Điều 8. Cơ quan có thẩm quyền quyết định, giải quyết và phối hợp giải quyết thủ tục hành chính

1. Trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quy định này

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh đối với thủ tục quy định tại Điều 9, Khoản 1 Điều 11, Khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Quy định này; Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy định này; Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 13 Quy định này.

b) Cơ quan trực tiếp giải quyết: Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Cơ quan phối hợp giải quyết: Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ngành có liên quan; cơ quan thuế; UBND cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

2. Trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 7 Quy định này

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện đối với thủ tục quy định tại Khoản 2 Điều 11, Khoản 2 Điều 12 Quy định này; Phòng Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 10 Quy định này; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện, thành phố đối với trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 13 Quy định này.

b) Cơ quan trực tiếp giải quyết: Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

c) Cơ quan phối hợp giải quyết: Văn phòng UBND cấp huyện; các phòng ban, có liên quan; cơ quan thuế; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

Điều 9. Thời gian thực hiện thủ tục chấp thuận của UBND tỉnh đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 16 ngày, cụ thể:

1. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 01 ngày.
2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 10 ngày.
3. Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La: Không quá 05 ngày.

Điều 10. Thời gian thực hiện thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 15 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

- a) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 01 ngày.
- b) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 14 ngày.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân (trừ trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất)

- a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 01 ngày.
- b) Phòng Tài nguyên và Môi trường: Không quá 14 ngày.

Điều 11. Thời gian thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 14 ngày hoặc không quá 16 ngày đối với hồ sơ có các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

- a) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 01 ngày.
- b) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 05 ngày.
- c) Ủy ban nhân dân tỉnh: Không quá 03 ngày.
- d) Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 02 ngày.
- đ) Cơ quan tài chính: Không quá 02 ngày.
- e) Cơ quan thuế: Không quá 03 ngày.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

- a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 01 ngày.
- b) Phòng Tài nguyên và Môi trường: Không quá 05 ngày.
- c) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Không quá 03 ngày.
- d) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 02 ngày.
- đ) Cơ quan tài chính: Không quá 02 ngày.
- e) Cơ quan thuế: Không quá 03 ngày.

Điều 12. Thời gian thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 12 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức:

- a) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 01 ngày.
- b) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 04 ngày.
- c) Ủy ban nhân dân tỉnh: Không quá 03 ngày.
- d) Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 02 ngày.
- đ) Cơ quan thuế: Không quá 02 ngày.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân:

- a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 01 ngày.
- b) Phòng Tài nguyên và Môi trường: Không quá 05 ngày.
- c) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Không quá 02 ngày.
- d) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 02 ngày.
- đ) Cơ quan thuế: Không quá 02 ngày.

Điều 13. Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất

không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 08 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

a) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 01 ngày.

b) Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 05 ngày.

c) Cơ quan thuế: Không quá 02 ngày.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 01 ngày.

b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 05 ngày.

c) Cơ quan thuế: Không quá 02 ngày

3. Trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận thì được cộng thêm thời gian 02 ngày, thời gian trên được phân bổ cho Sở Tài nguyên và Môi trường (*đối với tổ chức*) và Văn phòng Đăng ký đất đai (*đối với hộ gia đình, cá nhân*).

Điều 14. Thời gian thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004.

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 16 ngày, cụ thể:

1. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 01 ngày.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 06 ngày.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh: Không quá 05 ngày.

4. Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 02 ngày.

5. Cơ quan thuế: Không quá 02 ngày.

Mục III

QUY ĐỊNH VỀ CƠ QUAN TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT THỦ TỤC; THỜI GIAN THỰC HIỆN THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LẦN ĐẦU; CẤP ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN

Điều 15. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cơ quan giải quyết, cơ quan phối hợp giải quyết; cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả

a) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của tổ chức.

b) Bộ phận một cửa cấp huyện tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã thì bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp xã nơi có đất tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

2. Cách thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến.

3. Cơ quan giải quyết: Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

4. Cơ quan phối hợp

a) Cơ quan Thuế thực hiện xác định, thông báo nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất.

b) Sở Xây dựng, Phòng Quản lý đô thị thành phố Sơn La, Phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện thực hiện cung cấp thông tin về tài sản trên đất là nhà ở, công trình xây dựng khác theo quy định; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, Phòng Kinh tế thành phố Sơn La có trách nhiệm cung cấp thông tin về tài sản trên đất là các công trình, sản phẩm nông nghiệp theo quy định (*gọi chung là cơ quan quản lý nhà nước về tài sản*).

c) UBND cấp xã thực hiện thẩm định hồ sơ và xác nhận các nội dung có liên quan theo thẩm quyền.

d) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

5. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận

a) Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức theo ủy quyền của UBND tỉnh và theo thẩm quyền.

b) UBND cấp huyện cấp Giấy chứng nhận cấp lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân.

c) Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân do đăng ký biến động đất đai, cấp lại, cấp đổi theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 16. Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 12 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

a) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 01 ngày.

b) Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 11 ngày.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 01 ngày.

b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 11 ngày.

Điều 17. Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 10 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

a) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 01 ngày.

b) Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 09 ngày.

2. Đối với cộng đồng dân cư

a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 01 ngày.

b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 09 ngày.

Điều 18. Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 20 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

a) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 01 ngày.

b) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 05 ngày.

c) Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản: Không quá 03 ngày.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 05 ngày.

đ) Ủy ban nhân dân tỉnh: Không quá 03 ngày.

e) Cơ quan thuế: Không quá 03 ngày.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 01 ngày.

b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 05 ngày.

c) Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản: Không quá 03 ngày.

d) Phòng Tài nguyên và Môi trường: Không quá 05 ngày.

đ) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Không quá 03 ngày.

e) Cơ quan thuế: Không quá 03 ngày.

Điều 19. Thời gian thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 19 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

- a) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 01 ngày.
- b) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 06 ngày.
- c) Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản: Không quá 03 ngày.
- d) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 03 ngày.
- đ) Ủy ban nhân dân tỉnh: Không quá 03 ngày.
- e) Cơ quan thuế: Không quá 03 ngày.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

- a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 01 ngày.
- b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 06 ngày.
- c) Phòng Tài nguyên và Môi trường: Không quá 03 ngày.
- d) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Không quá 03 ngày.
- đ) Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản: Không quá 03 ngày.
- e) Cơ quan thuế: Không quá 03 ngày.

Điều 20. Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 19 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

- a) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 01 ngày.
- b) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 06 ngày.
- c) Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản: Không quá 03 ngày.
- d) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 03 ngày.
- đ) Ủy ban nhân dân tỉnh: Không quá 03 ngày.
- e) Cơ quan thuế: Không quá 03 ngày.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

- a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 01 ngày.
- b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 06 ngày.

- c) Phòng Tài nguyên và Môi trường: Không quá 03 ngày.
- d) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Không quá 03 ngày.
- đ) Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản: Không quá 03 ngày.
- e) Cơ quan thuế: Không quá 03 ngày.

Điều 21. Thời gian thực hiện thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 07 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

- a) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 0,5 ngày.
- b) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 03 ngày.
- c) Ủy ban nhân dân tỉnh: Không quá 02 ngày.
- d) Cơ quan thuế: Không quá 01 ngày.
- đ) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 0,5 ngày.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

- a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 0,5 ngày.
- b) Phòng Tài nguyên và Môi trường: Không quá 02 ngày.
- c) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Không quá 02 ngày.
- d) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 1,5 ngày.
- đ) Cơ quan thuế: Không quá 01 ngày.

Điều 22. Thời gian thực hiện thủ tục gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 07 ngày, cụ thể:

- 1. Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 0,5 ngày.
- 2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 03 ngày.
- 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Không quá 02 ngày.
- 4. Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 1,5 ngày.

Điều 23. Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 10 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

- a) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 0,5 ngày.

- b) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 5,5 ngày.
- c) Cơ quan thuế: Không quá 02 ngày.
- d) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 02 ngày.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

- a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 0,5 ngày.
- b) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 7,5 ngày.
- c) Cơ quan thuế: Không quá 02 ngày.

Điều 24. Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 10 ngày hoặc không quá 12 ngày đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

- a) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 0,5 ngày.
- b) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 4,5 ngày.
- c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 02 ngày *(đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận)*.
- d) Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản: Không quá 03 ngày.
- đ) Cơ quan thuế: Không quá 02 ngày.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

- a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 0,5 ngày.
- b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 4,5 ngày.
- c) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 02 ngày *(đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận)*.
- d) Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản: Không quá 03 ngày.
- đ) Cơ quan thuế: : Không quá 02 ngày.

Điều 25. Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 10 ngày hoặc không quá 12 ngày đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

- a) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 0,5 ngày.
- b) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 4,5 ngày.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 02 ngày (*đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận*).

d) Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản: Không quá 03 ngày.

đ) Cơ quan thuế: Không quá 02 ngày.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 0,5 ngày.

b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 4,5 ngày.

c) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 02 ngày (*đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận*).

d) Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản: Không quá 03 ngày.

đ) Cơ quan thuế: Không quá 02 ngày.

Điều 26. Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 05 ngày; không quá 07 ngày đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận hoặc không quá 09 ngày đối với trường hợp phải trình UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi đất để giao đất, cho thuê đất khi thực hiện chuyển đổi công ty; chia, tách doanh nghiệp; hợp nhất sáp nhập doanh nghiệp, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

a) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 0,5 ngày.

b) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 3,5 ngày.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 02 ngày (*đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận*).

d) UBND tỉnh: Không quá 02 ngày (*đối với trường hợp chuyển đổi công ty; chia, tách doanh nghiệp; hợp nhất sáp nhập doanh nghiệp*).

đ) Cơ quan thuế: Không quá 01 ngày.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 0,5 ngày.

b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 3,5 ngày.

c) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 02 ngày (*đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận*).

d) Cơ quan thuế: Không quá 01 ngày.

Điều 27. Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề.

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 07 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

a) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 01 ngày.

b) Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 06 ngày.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 01 ngày.

b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 06 ngày.

Điều 28. Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (*đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ*); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về nghĩa vụ tài chính

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 07 ngày; trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận không quá 09 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

a) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 0,5 ngày.

b) Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 4,5 ngày.

c) Cơ quan thuế: Không quá 2 ngày.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 02 ngày (*đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận*).

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 0,5 ngày.

b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 4,5 ngày.

c) Cơ quan thuế: Không quá 02 ngày.

d) Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 02 ngày (*đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận*).

Điều 29. Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 09 ngày, trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận không quá 12 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

a) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 0,5 ngày.

b) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 5,5 ngày.

c) Cơ quan thuế: Không quá 03 ngày.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 03 ngày (đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận).

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 0,5 ngày.

b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 5,5 ngày.

c) Cơ quan thuế: Không quá 03 ngày.

d) Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 03 ngày (đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận).

Điều 30. Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 20 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

a) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 01 ngày.

b) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 07 ngày.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 05 ngày.

d) Ủy ban nhân dân tỉnh: Không quá 04 ngày.

đ) Cơ quan thuế: Không quá 03 ngày.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 01 ngày.

b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 09 ngày.

c) Phòng Tài nguyên và Môi trường: Không quá 04 ngày.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Không quá 03 ngày.

đ) Cơ quan thuế: Không quá 03 ngày.

Điều 31. Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 07 ngày; trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận không quá 09 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

a) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 0,5 ngày.

b) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 4,5 ngày.

c) Cơ quan thuế: Không quá 02 ngày.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 02 ngày (*đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận*).

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 0,5 ngày.

b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 4,5 ngày.

c) Cơ quan thuế: Không quá 02 ngày.

d) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 02 ngày (*đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận*).

Điều 32. Thời gian thực hiện thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 15 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

a) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 0,5 ngày.

b) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 5,5 ngày.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 03 ngày.

d) Ủy ban nhân dân tỉnh: Không quá 03 ngày.

đ) Cơ quan thuế: Không quá 03 ngày.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 0,5 ngày.

b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 4,5 ngày.

c) Phòng Tài nguyên và Môi trường: Không quá 02 ngày.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Không quá 03 ngày.

đ) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 03 ngày.

e) Cơ quan thuế: Không quá 02 ngày.

Điều 33. Thời gian thực hiện thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 07 ngày; trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận không quá 09 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

a) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 0,5 ngày.

b) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 6,5 ngày.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 02 ngày (*đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận*).

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 0,5 ngày.

b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 6,5 ngày.

c) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 02 ngày (*đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận*).

Điều 34. Thời gian thực hiện thủ tục chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 08 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

a) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 01 ngày.

b) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 05 ngày.

c) Cơ quan thuế: Không quá 02 ngày.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 01 ngày.

b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 05 ngày.

c) Cơ quan thuế: Không quá 02 ngày.

Điều 35. Thời gian thực hiện thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện "đón điền đổi thửa" (đồng loạt)

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 10 ngày, cụ thể:

1. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 0,5 ngày.

2. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 4,5 ngày.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường: Không quá 03 ngày.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Không quá 02 ngày.

Điều 36. Thời gian thực hiện thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 03 ngày; trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận không quá 05 ngày, cụ thể:

1. Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 0,5 ngày.
2. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 2,5 ngày.
3. Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 02 ngày (*đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận*).

Điều 37. Thời gian thực hiện thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 02 ngày; trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận không quá 05 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức
 - a) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 0,5 ngày.
 - b) Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 1,5 ngày.
 - c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 03 ngày (*đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận*).
2. Đối với hộ gia đình, cá nhân
 - a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 0,5 ngày.
 - b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 1,5 ngày.
 - c) Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 03 ngày (*đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận*).

Điều 38. Thời gian thực hiện thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 08 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức
 - 1.1. Trường hợp Giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền cấp của UBND tỉnh
 - a) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 0,5 ngày.
 - b) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 3,5 ngày.
 - c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 02 ngày.
 - d) Ủy ban nhân dân tỉnh: Không quá 02 ngày làm việc

1.2. Trường hợp Giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền cấp của Sở Tài nguyên và Môi trường

- a) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 0,5 ngày.
- b) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 4,5 ngày.
- c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 03 ngày.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

2.1. Trường hợp Giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền cấp của UBND cấp huyện

- a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 0,5 ngày.
- b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 3,5 ngày.
- c) Phòng Tài nguyên và Môi trường: Không quá 02 ngày.
- d) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Không quá 02 ngày.

2.2. Trường hợp Giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền cấp của Sở Tài nguyên và Môi trường

- a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 0,5 ngày.
- b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 4,5 ngày.
- c) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 03 ngày.

Điều 39. Thời gian thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 07 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

- a) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 0,5 ngày.
- b) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 3,5 ngày.
- c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 03 ngày.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

- a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 0,5 ngày.
- b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 3,5 ngày.
- c) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 03 ngày.

Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất đo vẽ lại bản đồ địa chính thì không quá 40 ngày.

Điều 40. Thời gian thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 07 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

- a) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 0,5 ngày.
- b) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 4,5 ngày.
- c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 02 ngày.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

- a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 0,5 ngày.
- b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 04 ngày.
- c) Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 2,5 ngày.

Điều 41. Thời gian thực hiện chính Giấy chứng nhận đã cấp

Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 07 ngày, cụ thể:

1. Đối với tổ chức

1.1. Trường hợp Giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền cấp của UBND tỉnh

- a) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 01 ngày.
- b) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 03 ngày.
- c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 01 ngày.
- d) Ủy ban nhân dân tỉnh: Không quá 02 ngày.

1.2. Trường hợp Giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền cấp của Sở Tài nguyên và Môi trường

- a) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La: Không quá 01 ngày.
- b) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 04 ngày.
- c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quá 02 ngày.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân

2.1. Trường hợp Giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền cấp của UBND cấp huyện

- a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 0,5 ngày.
- b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 2,5 ngày.
- c) Phòng Tài nguyên và Môi trường: Không quá 02 ngày.
- d) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Không quá 02 ngày.

2.2. Trường hợp Giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền cấp của Sở Tài nguyên và Môi trường

- a) Bộ phận một cửa cấp huyện: Không quá 0,5 ngày.
- b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Không quá 04 ngày.
- c) Văn phòng đăng ký đất đai: Không quá 2,5 ngày.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 42. Trách nhiệm của các sở, ngành, UBND cấp huyện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Quy định này;

b) Chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc sở thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan đảm bảo thời gian theo Quy định này; là đầu mối hướng dẫn, tổng hợp, tiếp nhận các ý kiến đóng góp, vướng mắc trong quá trình thực hiện, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung.

c) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định, chính sách pháp luật về đất đai để người dân, doanh nghiệp hiểu, tuân thủ, thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư theo quy định;

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc lập hồ sơ, chấp thuận chủ trương đầu tư đối với những dự án khác không thuộc vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước theo quy định;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất các dự án đầu tư của các tổ chức theo quy định.

d) Phối hợp tham gia các nội dung khác theo yêu cầu.

3. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan tham mưu trình UBND tỉnh giới thiệu địa điểm, cung cấp thông tin quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu; cấp giấy phép xây dựng theo quy định.

b) Cho ý kiến về tài sản gắn liền với đất đối với các dự án theo đề nghị của cơ quan Tài nguyên và Môi trường;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đăng ký, cấp giấy chứng nhận đối với các dự án đầu tư của các tổ chức theo quy định.

d) Phối hợp tham gia các nội dung khác theo yêu cầu.

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm theo quy định;

b) Phối hợp tham gia các nội dung khác theo yêu cầu.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan cho ý kiến đối với các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, các dự án xin giao đất, thuê đất gắn với giao rừng, cho thuê rừng theo đề nghị của cơ quan Tài nguyên và Môi trường;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với các dự án đầu tư của các tổ chức theo quy định;

c) Phối hợp tham gia các nội dung khác theo yêu cầu.

6. Cơ quan thuế

a) Chủ trì trong việc tính, quản lý thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, tiền sử dụng đất và các khoản thu nộp ngân sách có liên quan. Thực hiện xác định đơn giá thuê đất; xác định số tiền thuê đất, tiền sử dụng đất được miễn, giảm.

b) Giải quyết vướng mắc trong quá trình xử lý hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai; Giải quyết khiếu nại (nếu có) về thu, nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp tham gia các nội dung khác theo yêu cầu.

7. Các sở, ngành có liên quan

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất các dự án đầu tư của các tổ chức theo quy định;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ, giải quyết những vướng mắc liên quan đến công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

8. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp xã và các phòng, đơn vị có liên quan thực hiện trình tự, thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện đảm bảo thời gian theo quy định này.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ, giải quyết những vướng mắc liên quan đến công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đăng ký và cấp Giấy chứng nhận.

c) Giới thiệu địa điểm, cung cấp thông tin quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu; cấp giấy phép xây dựng thuộc thẩm quyền.

d) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định, chính sách pháp luật về đất đai để người dân, doanh nghiệp hiểu, tuân thủ, thực hiện.

đ) Kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định.

e) Phối hợp tham gia các nội dung khác theo yêu cầu.

9. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tiếp nhận hồ sơ, thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, xác minh nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất đai; xác nhận, niêm yết công khai đảm bảo đúng quy định theo thẩm quyền, trả kết quả cho người sử dụng đất;

b) Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết và thực hiện các thủ tục hành chính tại Quy định này;

c) Kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định.

Điều 43. Trách nhiệm của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng

1. Chấp hành nghiêm Luật Đất đai, các văn bản hướng dẫn thi hành và pháp luật khác có liên quan.

2. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết và thực hiện các thủ tục hành chính tại Quy định này.

3. Quản lý, sử dụng khu đất đúng mục đích, ranh giới, diện tích sau khi được cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

4. kê khai và nộp các khoản nghĩa vụ tài chính về đất đai và các khoản thu khác (nếu có) vào Ngân sách nhà nước theo đúng thời hạn quy định của Luật Quản lý thuế và các quy định pháp luật liên quan.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46/2021/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 14 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng
và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 364/TTr-SXD ngày 18 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Phân cấp thẩm quyền cho UBND cấp huyện

a) Chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình trên địa bàn (*trừ các công trình quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 4 Quyết định này*) bao gồm: Công trình do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư; công trình do UBND cấp huyện cấp giấy phép xây dựng;

b) Chủ trì giải quyết sự cố cấp II, cấp III đối với công trình xây dựng trên địa bàn quản lý;

Điều 2. Phân cấp thẩm quyền cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và kiểm tra công tác nghiệm thu khi hoàn thành thi công xây dựng đối với các công trình xây dựng có yêu cầu bắt buộc phải kiểm tra công tác nghiệm thu theo Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, cụ thể:

1. Công trình dân dụng

a) Công trình cấp IV sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn quản lý;

b) Công trình cấp III đối với mọi nguồn vốn trên địa bàn quản lý (*quy định tại Danh mục kèm theo Quyết định này*);

c) Công trình cải tạo, sửa chữa không làm thay đổi kết cấu chịu lực của công trình.

2. Công trình công nghiệp: Công trình đường dây và trạm biến áp cấp IV có cấp điện áp $\leq 35\text{kV}$ sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn quản lý”.

3. Công trình hạ tầng kỹ thuật

a) Công trình cấp IV gồm: Công trình chiếu sáng công cộng; nhà để xe ô tô (ngầm và nổi); sân bãi để xe ô tô, xe máy móc, thiết bị; công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; cống, bể, hào, hầm, tuy nèn kỹ thuật và kết cấu khác sử dụng cho cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn quản lý;

b) Công trình cấp III gồm: Công trình cấp nước; công trình thoát nước; công trình xử lý chất thải rắn; công viên cây xanh; nghĩa trang; cột ăng ten, tháp thu phát sóng truyền thanh/truyền hình, cột BTS; cột đèn, cột điện trong hệ thống chiếu sáng... (*quy định tại Danh mục kèm theo Quyết định này*);

c) Các công trình cải tạo, sửa chữa có tổng mức đầu tư < 5 tỷ.

4. Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn

a) Công trình thủy lợi cấp IV (*trừ: Hồ chứa nước, đập dâng, tường chắn nước có chiều cao $> 5\text{m}$*) có tổng mức đầu tư < 7 tỷ đồng;

b) Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn có tổng mức đầu tư < 5 tỷ đồng.

5. Công trình giao thông cấp III, IV do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư hoặc được UBND cấp tỉnh ủy quyền quyết định đầu tư.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền cho Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và kiểm tra công tác nghiệm thu khi hoàn thành thi công xây dựng công trình cấp III, cấp IV nằm trong khu công nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chỉ đạo, kiểm tra cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc trong việc tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo phân cấp của UBND tỉnh;

b) Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khác và các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với nội dung kiểm tra công tác nghiệm thu của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Phòng có chức năng quản lý về xây dựng thuộc UBND cấp huyện.

2. Sở Xây dựng

a) Giúp UBND tỉnh quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Tham mưu trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, an toàn trong thi công xây dựng trên địa bàn;

c) Chủ trì tổng hợp báo cáo UBND tỉnh để báo cáo Bộ Xây dựng theo định kỳ, đột xuất về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

3. Các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khác (*các Sở: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương*)

a) Chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại Điểm b, Điểm c và Điểm d Khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 30 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh.

4. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

a) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trong khu công nghiệp;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành giải quyết sự cố, giám định nguyên nhân sự cố công trình khi được yêu cầu;

c) Tổng hợp và báo cáo đột xuất, định kỳ vào ngày 30 tháng 11 hằng năm cho UBND tỉnh và Sở Xây dựng việc tuân thủ theo quy định về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trong phạm vi khu công nghiệp do mình quản lý.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành giám định nguyên nhân sự cố công trình khi được yêu cầu;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành rà soát, xử lý đối với các công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp thuộc địa bàn quản lý;

c) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 30 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn do mình quản lý.

6. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện

a) Chủ trì, phối hợp thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành và đảm bảo phù hợp với quy mô đã được giao tại Quyết định này;

b) Chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật, Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện đối với các nội dung được phân cấp;

c) Tham mưu, đề xuất với UBND cấp huyện đảm bảo nguồn lực và điều kiện cần thiết để thực hiện tốt nhiệm vụ được phân cấp, sắp xếp, bố trí cán bộ đủ năng lực, phù hợp với nhiệm vụ chuyên môn để thực hiện công tác kiểm tra nghiệm thu.

Điều 5. Xử lý chuyển tiếp

1. Công trình xây dựng khởi công trước ngày Quyết định này có hiệu lực thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng thì tiếp tục thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu theo Quyết định số 11 ngày 05 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Sơn La về ban hành Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Công trình xây dựng khởi công sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng thì thực hiện theo Quyết định này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và thay thế Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La. Các quy định trước đây của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương; Giám đốc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Trưởng phòng có chức năng quản lý về xây dựng thuộc UBND cấp huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh Sơn La (b/c);
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Cục Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTCH, KT, NC, TH. 50b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

DANH MỤC**CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT CẤP III THUỘC THẨM QUYỀN CẤP HUYỆN KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND
ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Loại công trình	Tiêu chí phân cấp	Công trình phân cấp
I	Nhà ở		
1	Nhà chung cư.	Số tầng	≤ 2
2	Nhà ở tập thể, ký túc xá.	Số tầng	≤ 2
II	Công trình giáo dục		
1	Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường phổ thông các cấp.	Số tầng	≤ 2
2	Trường đại học, trường cao đẳng; Trường trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề, trường công nhân kỹ thuật, trường nghiệp vụ.	Số tầng	≤ 2
III	Công trình y tế		
	Bệnh viện, phòng khám (đa khoa hoặc chuyên khoa); trạm y tế; nhà hộ sinh, điều dưỡng, phục hồi chức năng, chỉnh hình, dưỡng lão; cơ sở phòng chống dịch bệnh; cơ sở nghiên cứu, thí nghiệm chuyên ngành y tế; các cơ sở y tế khác.	Số tầng	≤ 2
IV	Công trình thể thao		
1	Nhà thi đấu, tập luyện các môn thể thao.	Số tầng	≤ 2
V	Công trình văn hóa		
1	Trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hóa, câu lạc bộ, rạp chiếu phim, rạp xiếc, vũ trường; các công trình di tích; bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày; công trình có tính biểu trưng, nghệ thuật (tượng đài ngoài trời), công trình vui chơi, giải trí; các công trình văn hóa khác.	Tổng sức chứa (nghìn người)	$\leq 0,25$
2	Pa nô, biển quảng cáo độc lập, cổng chào.	Chiều cao (m)	≤ 18
VI	Công trình tôn giáo, tín ngưỡng		
1	Công trình tôn giáo		
1.1	Trụ sở của tổ chức tôn giáo, chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh đường, thánh thất, niệm Phật đường; trường đào tạo người chuyên hoạt động tôn giáo;	Số tầng	01
1.2	Tượng đài, bia, tháp và các công trình tôn giáo khác.	Chiều cao (m)	≤ 18
2	Công trình tín ngưỡng: Đình, đền, am, miếu, từ đường (nhà thờ họ) và các công trình tín ngưỡng khác.	Số tầng	01

STT	Loại công trình	Tiêu chí phân cấp	Công trình phân cấp
VII	Công trình thương mại, dịch vụ và trụ sở làm việc		
1	Chợ	Số tầng	≤ 2
2	Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ; cơ sở nghỉ dưỡng; biệt thự lưu trú, căn hộ lưu trú và các cơ sở dịch vụ lưu trú khác	Số tầng	≤ 2
3	Trụ sở cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị.	Số tầng	≤ 2
4	Trụ sở làm việc của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp.	Số tầng	≤ 2
5	Trung tâm thương mại, siêu thị.	Số tầng	≤ 2
6	Cửa hàng, nhà hàng ăn uống, giải khát và công trình tương tự khác.	Số tầng	≤ 2
VIII	Công trình hạ tầng kỹ thuật		
1	Công trình cấp nước		
1.1	Nhà máy nước, công trình xử lý nước sạch (bao gồm cả công trình xử lý bùn cặn)	TCS (nghìn m ³ /ngày đêm)	< 5
1.2	Trạm bơm nước thô, nước sạch hoặc tăng áp (bao gồm cả bể chứa nước nếu có)	TCS (nghìn m ³ /ngày đêm)	< 6
2	Công trình thoát nước		
2.1	Hồ điều hòa	Diện tích (ha)	< 8
2.2	Trạm bơm nước mưa (bao gồm cả bể chứa nước nếu có)	TCS (m ³ /s)	< 5
2.3	Công trình xử lý nước thải	TCS (nghìn m ³ /ngày đêm)	< 5
2.4	Trạm bơm nước thải (bao gồm cả bể chứa nước nếu có)	TCS (m ³ /h)	< 300
2.5	Công trình xử lý bùn	TCS (m ³ /ngày đêm)	< 100
3	Công trình xử lý chất thải rắn (CTR)		
3.1	Cơ sở xử lý CTR	TCS (tấn/ngày đêm)	< 30
3.2	Cơ sở xử lý CTR nguy hại	TCS (tấn/ngày đêm)	< 10
4	Công viên cây xanh	Diện tích (ha)	< 10
5	Nghĩa trang	Diện tích (ha)	< 20
6	Cột ăng ten, tháp thu phát sóng truyền thanh/truyền hình; cột BTS; cột đèn, cột điện trong hệ thống chiếu sáng...	Chiều cao của kết cấu (m)	< 50

STT	Loại công trình	Tiêu chí phân cấp	Công trình phân cấp
7	Đường ống/cống		
7.1	Đường ống cấp nước (nước thô hoặc nước sạch)	Đường kính trong của ống (mm)	<200
7.2	Cống thoát nước mưa, cống chung	Đường kính trong của ống (mm)	<1000
7.3	Cống thoát nước thải	Đường kính trong của ống (mm)	<400

Ghi chú:

- Số tầng trong tiêu chí phân cấp của danh mục này thuộc phần nổi công trình. Trường hợp công trình có nhiều hơn 01 tầng hầm thì công trình không thuộc danh mục về phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu cho UBND cấp huyện thực hiện.

- Số tầng trong tiêu chí phân cấp của danh mục này không bao gồm tầng áp mái (*Tầng áp mái là tầng nằm bên trong không gian của mái dốc mà toàn bộ hoặc một phần mặt đứng của nó được tạo bởi bề mặt mái nghiêng hoặc mái gấp, trong đó tường đứng (nếu có) không cao quá mặt sàn 1,5m*).

- Trường hợp dự án đầu tư xây dựng gồm nhiều công trình chính độc lập với nhau, áp dụng tiêu chí phân cấp cao nhất tương ứng trong danh mục này để xác định thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2021/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 15 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hoá và Thể thao, Sở Du lịch thuộc UBND cấp tỉnh; Phòng Văn hoá và Thông tin thuộc UBND cấp huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 204/TTr-SVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Vị trí, chức năng của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Sơn La, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo (không bao gồm nội dung quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin); việc sử dụng Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca và chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh ở địa phương theo quy định của pháp luật và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công, ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND tỉnh theo thẩm quyền, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sơn La thực hiện theo quy định tại Điều 2, Thông tư số 08/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch thuộc UBND cấp tỉnh; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc UBND cấp huyện;

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**1. Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc**

- Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là người đứng đầu Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, là Ủy viên UBND tỉnh, chịu trách nhiệm trước UBND, Chủ tịch UBND tỉnh về Văn hóa, Thể thao và Du lịch; thực hiện các chức trách, nhiệm vụ của Giám đốc Sở quy định của pháp luật và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác được giao.

- Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là người giúp Giám đốc Sở phụ trách, chỉ đạo một số mặt công tác của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Các đơn vị tham mưu tổng hợp, phòng chuyên môn thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- a) Văn phòng;
- b) Thanh tra;
- c) Phòng Kế hoạch - Tài chính;

- d) Phòng Quản lý văn hoá;
- đ) Phòng Quản lý du lịch;
- e) Phòng Quản lý thể dục, thể thao ;
- f) Phòng Xây dựng nếp sống văn hoá và gia đình.

3. Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- a) Bảo tàng tỉnh Sơn La;
- b) Thư viện tỉnh Sơn La;
- c) Nhà hát Ca múa nhạc tỉnh Sơn La;
- d) Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh tỉnh Sơn La;
- đ) Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao tỉnh Sơn La;
- e) Trường Trung cấp Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch tỉnh Sơn La.

Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm ban hành văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của Văn phòng, Thanh tra, phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định của pháp luật. Căn cứ các quy định của pháp luật, Giám đốc Sở ban hành Quy chế làm việc của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế đó.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2021 và thay thế Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Văn hóa, TT và Du lịch;
- Như Điều 5;
- Sở Tư pháp;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT, NC, Hiệp(20b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 48/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 07 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua những nội dung Thường trực HĐND tỉnh
đã xem xét, giải quyết theo đề nghị của UBND tỉnh từ
Kỳ họp thứ hai đến Kỳ họp thứ ba của HĐND tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 9 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 268/NQ-UBTVQH15 ngày 6 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc cho phép Chính phủ ban hành Nghị quyết có một số nội dung khác với quy định của luật để đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19;

Căn cứ Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh về ban hành Quy chế hoạt động của HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Xét Tờ trình số 17/TTr-TTHĐND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Thường trực HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua 18 nội dung Thường trực HĐND tỉnh đã xem xét giải quyết theo đề nghị của UBND tỉnh từ kỳ họp thứ hai đến kỳ họp thứ ba của HĐND tỉnh (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Nghị quyết này được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 7 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của UBTV Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**NỘI DUNG THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH
ĐÃ XEM XÉT GIẢI QUYẾT GIỮA HAI KỲ HỌP**

(Kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh)

STT	Nội dung trình của UBND tỉnh	Văn bản trả lời của Thường trực HĐND tỉnh
I	Các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh	
1	Tờ trình số 145/TTr-UBND ngày 02/8/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án phân bổ kinh phí hỗ trợ công tác bảo vệ và phát triển rừng năm 2021	Công văn số 44/TTHĐND ngày 06/8/2021
2	Tờ trình số 146/TTr-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh về việc duyệt bổ sung kinh phí thực hiện chính sách theo Quyết định số 24/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ năm 2021 cho Sở Lao động Thương binh, xã hội và UBND các huyện, thành phố	Công văn số 51/TTHĐND ngày 12/8/2021
3	Tờ trình số 147/TTr-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh về việc duyệt bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện Mường La, hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch Covid -19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ	Công văn số 53/TTHĐND ngày 12/8/2021
4	Tờ trình số 149/TTr-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh về việc bổ sung dự toán kinh phí năm 2021 <i>(đơn vị Sở Tài nguyên và Môi trường)</i> .	Thông báo số 11/TB-TTHĐND ngày 24/8/2021
5	Tờ trình số 150/TTr-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh về việc bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố Sơn La để thực hiện một số dự án quan trọng do hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	Thông báo số 11/TB-TTHĐND ngày 24/8/2022
6	Tờ trình số 152/TTr-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt và giao bổ sung dự toán kinh phí năm 2021 <i>(đơn vị Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh)</i>	Thông báo số 11/TB-TTHĐND ngày 24/8/2023
II	Các nội dung thuộc thẩm quyền của Thường trực HĐND tỉnh, báo cáo HĐND tỉnh	
1	Tờ trình số 153/TTr-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh về việc bổ sung kinh phí hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ năm 2021	Thông báo số 11/TB-TTHĐND ngày 24/8/2023
2	Tờ trình số 157/TTr-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh về việc bổ sung một số nội dung tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 53/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh	Công văn số 81/TTHĐND ngày 09/9/2021
3	Tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh bổ sung dự toán kinh phí hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ năm 2021 (đợt 2)	Công văn số 84/TTHĐND ngày 10/9/2021

STT	Nội dung trình của UBND tỉnh	Văn bản trả lời của Thường trực HĐND tỉnh
4	Tờ trình số 168/TTr-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh về duyệt chủ trương dự toán chi ngân sách năm 2021, đơn vị: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Công văn số 93/TTHĐND ngày 24/9/2021
5	Tờ trình số 175/TTr-UBND ngày 23/9/2021 của UBND tỉnh về chủ trương duyệt bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện Phù Yên năm 2021 thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19	Thông báo số 22/TB-TTHĐND ngày 28/9/2021
6	Tờ trình số 183/TTr-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh về bổ sung dự toán kinh phí hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ năm 2021 (đợt 3)	Công văn số 112/TTHĐND ngày 11/10/2021
7	Tờ trình số 185/TTr-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh về bổ sung dự toán kinh phí hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ năm 2021 (đợt 4)	Công văn số 127/TTHĐND ngày 21/10/2021
8	Tờ trình số 187/TTr-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh về bổ sung dự toán kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và Quyết định số 2270/QĐ-UBND của UBND tỉnh năm 2021 (đợt 1)	Công văn số 128/TTHĐND ngày 21/10/2021
9	Tờ trình số 206/TTr-UBND ngày 03/11/2021 của UBND tỉnh về bổ sung dự toán kinh phí hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ năm 2021 (đợt 5)	Công văn số 151/TTHĐND ngày 11/11/2021
10	Tờ trình số 207/TTr-UBND ngày 03/11/2021 của UBND tỉnh về bổ sung bổ sung dự toán kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và Quyết định số 2270/QĐ-UBND của UBND tỉnh năm 2021 (đợt 2)	Công văn số 150/TTHĐND ngày 11/11/2021
11	Tờ trình số 213/TTr-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh về việc xin chủ trương thực hiện thí điểm khoán kinh phí sử dụng xe ô tô trên địa bàn tỉnh	Công văn số 156/TTHĐND ngày 15/11/2021
12	Tờ trình số 219/TTr-UBND ngày 12/11/2021 của UBND tỉnh về việc cho ý kiến đối với phương án sử dụng vốn vay và phương án trả nợ đối với khoản vốn UBND tỉnh vay lại vốn ODA thực hiện dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La, sử dụng vốn ODA của Chính phủ Đức và Chính phủ Thụy Sĩ	Công văn số 159/TTHĐND ngày 16/11/2021

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/CT-UBND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2021

CHỈ THỊ

Về việc thực hiện các giải pháp đảm bảo cân đối cung cầu, tăng cường công tác quản lý, điều hành bình ổn giá cả thị trường, đảm bảo trật tự an toàn xã hội dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022

Năm 2021, dịch bệnh COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, đã tác động tiêu cực đến hoạt động kinh tế trong nước và thế giới. Tại Việt Nam, từ cuối tháng 6, dịch bệnh đã bùng phát mạnh, nhất là ở các tỉnh phía Nam, sản xuất kinh doanh tại các địa phương có dịch bị đình trệ lưu thông hàng hóa gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng lớn đến thu nhập và đời sống của nhân dân. Tỉnh Sơn La là một địa phương cũng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19, giá cả nhiều loại mặt hàng thiết yếu biến động thường xuyên, các loại vật liệu xây dựng, xăng, dầu, khí đốt hóa lỏng, lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, vật tư y tế, vật tư nông nghiệp..., có xu hướng tăng cao, tác động đến sản xuất, kinh doanh, đời sống của nhân dân và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trước tình hình đó Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt với những biện pháp phòng chống dịch, phương án đảm bảo nguồn cung hàng hóa thiết yếu cho người dân, để hạn chế thấp nhất ảnh hưởng của dịch bệnh đến tăng trưởng kinh tế của địa phương.

Để thực hiện tốt mục tiêu kiềm chế lạm phát, bình ổn giá cả thị trường theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và chủ động chuẩn bị tốt các điều kiện cho cán bộ, chiến sỹ và nhân dân đón xuân Nhâm Dần năm 2022, vui vẻ, an toàn, lành mạnh, tiết kiệm. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, ban, ngành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện một số nội dung trọng tâm như sau:

I. YÊU CẦU

1. Thực hiện đồng bộ các giải pháp, bảo đảm cân đối nguồn cung ứng hàng hóa, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022. Nâng cao chất lượng công tác dự báo thị trường, theo dõi sát diễn biến giá cả hàng hóa, đáng giá nguồn cung, nhu cầu hàng hóa, nhất là các mặt hàng thiết yếu, những mặt hàng có biến động tăng giá cao trên địa bàn thời gian qua để chủ động có phương án bảo đảm cân đối lượng hàng hóa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, ổn định thị trường, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, gián đoạn nguồn hàng gây tăng giá đột biến trong dịp cuối năm và tết Nguyên Đán hoặc trong trường hợp dịch bệnh bùng phát.

2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, bảo đảm kịp thời, minh bạch thông tin về giá và công tác điều hành giá của cấp có thẩm quyền. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường đối với các mặt hàng thuộc danh mục Nhà nước định giá, kiểm soát giá. Các sở, ban, ngành phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về giá, các biện pháp bình ổn giá và giá cả thị trường đến các tổ chức, nhân dân trên địa bàn để phối hợp, phát hiện, ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm pháp luật về giá, gian lận thương mại, không để xảy ra tình trạng mất cung - cầu dẫn đến tăng giá đột biến.

3. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố căn cứ các quy định của pháp luật về giá và nội dung Chỉ thị này, chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện; phối hợp chặt chẽ với các tỉnh bạn tạo thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa thuận tiện nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt yêu cầu về công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19; quán triệt, thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, bộ, ngành trung ương trong việc tổ chức chúc Tết, tặng quà.

4. Ngăn chặn kịp thời, có hiệu quả các hiện tượng đầu cơ, găm hàng, tăng giá bất hợp pháp, giữ ổn định chỉ số giá hàng hóa, phù hợp với chỉ số giá chung của cả nước; tập trung triển khai có hiệu quả các giải pháp về kiềm chế lạm phát, bình ổn giá cả thị trường, không để biến động về giá, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh và ổn định đời sống của nhân dân.

5. Ngay sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Nhâm Dần, các cơ quan, tổ chức, đơn vị khẩn trương triển khai công việc, không để chậm trễ ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh và giải quyết các thủ tục hành chính với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

II. NHIỆM VỤ CÁC SỞ, NGÀNH, CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

1. Ban Chỉ đạo 389 tỉnh

Tăng cường công tác chỉ đạo, rà soát, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công việc đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, bảo đảm thực hiện nghiêm, có hiệu quả Kế hoạch số 31/KH-BCĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Ban Chỉ đạo 389 tỉnh về cao điểm đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn tỉnh Sơn La trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Cục Thuế tỉnh, Cục Quản lý thị trường tỉnh và các sở, ngành liên quan trong việc kiểm tra chấp hành pháp luật về giá; thực hiện nghiêm các quy định về điều chỉnh giá, đăng ký, kê khai, niêm yết giá, trợ cước, trợ giá, công khai thông tin về giá. Tham mưu, đề xuất các biện pháp kiểm soát chặt chẽ và ngăn chặn có hiệu quả các hiện tượng tiêu cực gây thiệt hại đến quyền lợi người tiêu dùng. Chú trọng giá các sản phẩm tiêu dùng thiết yếu và

hàng hóa phục vụ tết, giá cước vận chuyển hành khách, hàng hóa, giá dịch vụ du lịch, lưu trú, thuốc chữa bệnh cho người.

- Theo dõi sát tình hình giá cả thị trường và diễn biến chỉ số giá tiêu dùng, kịp thời tham mưu trình cấp có thẩm quyền biện pháp bình ổn giá theo quy định. Hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nghiêm các quy định về đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá. Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giá, kịp thời phát hiện sự chồng chéo, không phù hợp với thực tiễn để tham mưu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

- Quản lý chặt chẽ chi ngân sách, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ; rà soát, cắt giảm hoặc tạm ngừng các khoản chi chưa thực sự cấp bách, nội dung không thiết thực.

3. Sở Công Thương

- Theo dõi, đánh giá nguồn cung, nhu cầu hàng hóa, nhất là các mặt hàng thiết yếu, những mặt hàng có biến động tăng giá cao trên địa bàn thời gian qua để chủ động có phương án bảo đảm cân đối cung cầu, ổn định thị trường, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, gián đoạn nguồn hàng gây tăng giá đột biến trong dịp cuối năm và tết Nguyên Đán hoặc trong trường hợp dịch bệnh bùng phát.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị chức năng theo dõi sát tình hình sản xuất, diễn biến dịch bệnh, thời tiết, nhất là dịch tả lợn Châu Phi; đánh giá năng lực cung ứng nguồn hàng thịt lợn và các mặt hàng thực phẩm thiết yếu khác cho thị trường cuối năm và dịp Tết Nguyên đán, chủ động đề xuất phương án đảm bảo nguồn cung, ổn định thị trường các mặt hàng nông sản thực phẩm thiết yếu dịp cuối năm và Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022, đảm bảo sản xuất theo đúng quy hoạch và theo khuyến cáo của các Bộ, ngành hữu quan, tránh tình trạng dư thừa hoặc thiếu cục bộ, ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường hàng hóa trong nước nói chung và thị trường thực phẩm nói riêng.

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan hỗ trợ và kịp thời tháo gỡ khó khăn cho việc lưu thông hàng hóa nhất là việc vận tải của các đơn vị khi đi qua các địa bàn liên tỉnh có dịch bệnh COVID-19 đang diễn biến phức tạp, nhằm đảm bảo cho lưu thông hàng hóa thông suốt và kịp thời cung ứng cho thị trường dịp cuối năm và dịp Tết Nguyên đán.

- Đôn đốc các doanh nghiệp triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại nội địa, các chương trình kích cầu tiêu dùng, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sau dịch bệnh; có cơ chế ưu tiên và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia Chương trình bình ổn mở rộng mạng lưới phân phối hàng hóa, các phương thức bán hàng lưu động..., để cung ứng hàng hóa bình ổn đến khu vực đông dân cư, các khu vực vùng sâu, vùng xa...nhằm tăng khả năng tiếp cận hàng bình ổn cho các đối tượng khó khăn, các đối tượng có thu nhập trung bình và thấp.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn, dự trữ đầy đủ có phương án đảm bảo nguồn cung xăng dầu cho thị trường dịp cuối năm và Tết Nguyên đán; phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường kiểm soát chất lượng, đo lường xăng dầu lưu thông trên thị trường.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc đảm bảo cung ứng điện của các Công ty Điện lực tại địa phương, trong đó đặc biệt lưu ý phương án dự phòng để đảm bảo đủ điện cho sản xuất, sinh hoạt của nhân dân và cung cấp điện cho các cơ sở y tế để khám, chữa bệnh. Chỉ đạo các Công ty Điện lực chú trọng công tác bảo đảm an toàn phòng chống, chập, cháy điện tại các nơi công cộng, khu dân cư, khu vui chơi.

- Phối hợp với Cục Quản lý thị trường tỉnh, tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát thị trường đối với các lĩnh vực về giá, chất lượng sản phẩm, các quy định về an toàn thực phẩm, các hành vi đầu cơ, găm hàng, tăng giá trái pháp luật trên địa bàn.

- Căn cứ tình hình diễn biến dịch bệnh COVID-19 tại địa phương, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các huyện, thành phố có phương án tổ chức các Hội chợ Xuân bảo đảm an toàn phòng chống dịch bệnh COVID-19.

- Kiểm tra, đôn đốc các huyện, thành phố triển khai công tác tuyên truyền, hướng dẫn các chợ dân sinh, các siêu thị, chuỗi cửa hàng tiện ích trên địa bàn, triển khai tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh, các biện pháp thích ứng an toàn, linh hoạt với dịch bệnh COVID-19 để duy trì hoạt động của các chợ nhằm bảo đảm cung ứng, trao đổi hàng hóa, nhất là các mặt hàng lương thực, thực phẩm cho người dân dịp cuối năm và Tết Nguyên đán.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn thông tin đầy đủ và kịp thời về thị trường, giá cả, các chính sách bình ổn thị trường, công tác quản lý an toàn thực phẩm của Nhà nước, thông tin các điểm bán hàng bình ổn và thực phẩm an toàn cho người dân địa phương; tuyên truyền sâu rộng việc thực hiện Cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”; phối hợp với các đơn vị chức năng tuyên truyền về việc khuyến khích sử dụng xăng sinh học; kiểm soát các thông tin thất thiệt có thể gây bất ổn thị trường.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố đẩy mạnh triển khai kế hoạch sản xuất; thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, vật nuôi; chủ động theo dõi sát diễn biến dịch bệnh, thời tiết; đồng thời tăng cường kiểm tra, kiểm soát hoạt động giết mổ, vận chuyển kinh doanh gia súc, gia cầm, đảm bảo khi các sản phẩm này được lưu thông trên thị trường vào dịp Tết Nguyên đán phải được kiểm dịch chặt chẽ, không cho lưu thông những loại sản phẩm không đảm bảo an toàn, chưa qua kiểm dịch. Bảo đảm sản xuất theo đúng quy hoạch và theo khuyến cáo của các Bộ, ngành Trung ương, tránh tình trạng dư

thừa hoặc thiếu hụt nguồn cung cục bộ, ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường hàng hoá trong nước.

- Tăng cường công tác kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm hàng hóa để ngăn ngừa tình trạng ngộ độc thực phẩm trong dịp Tết Nguyên Đán năm 2022.

- Có biện pháp phòng, chống rét cho gia súc, gia cầm; phòng, chống dịch bệnh đối với vật nuôi, cây trồng một cách hiệu quả, kịp thời, không làm ảnh hưởng đến nguồn cung thực phẩm.

- Triển khai, hỗ trợ kịp thời hạt giống cây trồng, vật nuôi và vắc xin, hóa chất sát trùng theo quy định cho nhân dân các huyện, thành phố bị ảnh hưởng bão lũ, dịch bệnh để nhanh chóng phục hồi sản xuất, bảo đảm vệ sinh môi trường, ổn định đời sống, vui xuân đón Tết.

5. Sở Giao thông Vận tải

- Tổ chức phương tiện đảm bảo phục vụ nhân dân đi lại trong dịp Tết Nguyên đán thuận tiện, an toàn. Phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc kê khai giá, niêm yết giá cước vận tải hành khách theo quy định, không để xảy ra tình trạng thu giá vé không đúng quy định; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về giá.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chất lượng, an toàn kỹ thuật các phương tiện tham gia giao thông, không để tình trạng phương tiện không bảo đảm điều kiện an toàn kỹ thuật tham gia giao thông; Phối hợp với Công an tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có biện pháp ngăn chặn việc vận chuyển trái phép hàng cháy nổ, hàng nguy hiểm, các sản phẩm từ gia súc, gia cầm không rõ nguồn gốc và không có chứng nhận kiểm dịch y tế trên các phương tiện vận tải.

- Chỉ đạo các đơn vị vận tải thực hiện nghiêm các quy định về phòng chống dịch bệnh Covid-19 trong hoạt động vận chuyển hành khách, cũng như là vận chuyển hàng hóa; Hỗ trợ và kịp thời tháo gỡ khó khăn cho việc lưu thông hàng hóa, nhất là việc vận tải của các đơn vị khi đi qua địa bàn liên tỉnh có dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp đảm bảo cho hàng hóa lưu thông thông suốt và kịp thời cung ứng cho thị trường dịp cuối năm và dịp Tết Nguyên đán.

6. Sở Y tế

- Chủ động, tích cực thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19; dịch bệnh phát sinh trong trường hợp xảy ra thiên tai bão, lũ; có phương án bảo đảm đủ thuốc thiết yếu hỗ trợ phục vụ nhân dân vùng thiên tai, bão, lũ; chuẩn bị đầy đủ nhân lực, thuốc chữa bệnh, chỉ đạo các bệnh viện trực 24/24 giờ, bảo đảm sơ cứu, cấp cứu kịp thời bệnh nhân đặc biệt trong trường hợp thương tích, tai nạn giao thông.

- Chỉ đạo các cơ quan đơn vị trực thuộc: Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc tuân thủ đúng các quy định vệ sinh an toàn thực phẩm; tham mưu trình UBND tỉnh thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành, thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, tập trung vào các cơ sở sản xuất,

kinh doanh rau, củ, quả, bánh kẹo, rượu, các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở giết mổ, kinh doanh gia cầm, thực phẩm nhập khẩu và đấu tranh chống thực phẩm nhập lậu không rõ nguồn gốc...; quản lý chặt chẽ giá thuốc, giá các dịch vụ y tế; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân và xử lý nghiêm các vi phạm an toàn thực phẩm và công khai trên phương tiện thông tin đại chúng để kịp thời cảnh báo cho người dân.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và UBND các huyện, thành phố vận động các doanh nghiệp tiếp tục triển khai thực hiện Cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”. Kết hợp chương trình hàng Việt về nông thôn, vùng sâu, vùng xa chuẩn bị tốt nguồn hàng tiêu dùng thiết yếu, mặt hàng phục vụ Tết Nguyên đán, để cung ứng sớm và đầy đủ cho nhân dân nhất là những đối tượng gặp khó khăn do tác động của dịch bệnh COVID-19 với giá cả hợp lý, chất lượng đảm bảo.

- Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại nội địa, giới thiệu các sản phẩm thực phẩm an toàn, đặc sản vùng, miền; Các chương trình kích cầu tiêu dùng; chương trình hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sau COVID-19, ưu tiên và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia chương trình mở rộng mạng lưới phân phối hàng hóa, các phương thức bán hàng lưu động... để cung ứng hàng hóa đến vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, đáp ứng nhu cầu của các đối tượng khó khăn, có thu nhập trung bình và thấp.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Căn cứ diễn biến của dịch bệnh COVID-19, chỉ đạo các cơ quan chức năng trực thuộc: Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, lễ hội trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022, bảo đảm vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và phong tục, tập quán của địa phương; quan tâm đến hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em; chương trình biểu diễn văn hóa, văn nghệ phục vụ đồng bào vùng sâu, vùng xa đảm bảo phù hợp với yêu cầu phòng chống dịch bệnh COVID-19.

9. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Báo Sơn La và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Sở Công Thương để đưa tin, tuyên truyền đúng theo chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, chỉ đạo của Chính phủ và UBND tỉnh, phản ánh sát thực tế cung cầu, giá cả hàng hóa thị trường để ngăn chặn tình trạng tin đồn thất thiệt gây rối loạn thị trường, ảnh hưởng bất lợi đến người tiêu dùng góp sức cùng các cấp chính quyền thực hiện nhiệm vụ bình ổn giá cả thị trường, tránh tâm lý bất an trong nhân dân.

10. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước, chỉ đạo của Trung ương,

Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đối với người có công với cách mạng; người hưởng chính sách trợ giúp xã hội, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách khác.

- Đề xuất với Tổng cục dự trữ Nhà nước kịp thời xuất cấp hàng dự trữ quốc gia đúng đối tượng nhằm bảo đảm an sinh xã hội, không để người dân bị thiếu ăn trong dịp Tết Nguyên đán và thời kỳ giáp hạt; phối hợp với các lực lượng chức năng bảo đảm trật tự, an toàn trong các cơ sở cai nghiện ma túy và tăng cường thực hiện công tác phòng chống tệ nạn xã hội.

11. Sở Xây dựng

Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố rà soát, nắm bắt diễn biến các mặt hàng liên quan lĩnh vực xây dựng; kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh bất động sản trên địa bàn tỉnh, không để các đối tượng lợi dụng đẩy giá gây bất ổn thị trường; chủ động tham mưu cho UBND tỉnh có biện pháp bình ổn thị trường và giá vật liệu xây dựng.

12. Công an tỉnh

- Chủ trì và có kế hoạch phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức lực lượng ứng trực và vũ trang canh gác, bảo vệ an toàn các mục tiêu quan trọng, các sự kiện chính trị - xã hội tổ chức trên địa bàn tỉnh; đặc biệt cần triển khai lực lượng, phương án bảo vệ tuyệt đối an toàn về an ninh trật tự, về công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19 tại các nơi tổ chức tụ họp, hoạt động vui chơi giải trí của nhân dân trong dịp tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Cục quản lý thị trường tỉnh và các ngành chức năng tăng cường trong việc kiểm soát dịch bệnh gia súc gia cầm, phòng chống cháy nổ, chống buôn lậu, gian lận thương mại đảm bảo bình ổn giá cả thị trường.

- Chỉ đạo Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy - Cứu nạn cứu hộ xây dựng kế hoạch kiểm tra, đảm bảo công tác phòng chống cháy nổ. Xử lý nghiêm các vi phạm về sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ và đốt pháo nổ trái phép; tổ chức kiểm tra, chấn chỉnh điều kiện về phòng cháy, chữa cháy tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu dân cư và khu vực tập trung đông người, tổ chức chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn kịp thời, hiệu quả.

- Tăng cường tuần tra, kiểm soát giao thông; Tổ chức phân luồng, hướng dẫn giao thông; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về trật tự, an toàn giao thông.

13. Cục Quản lý thị trường tỉnh

- Xây dựng Kế hoạch cao điểm chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022; Chỉ đạo các Đội Quản lý thị trường trên địa bàn tăng cường công tác quản lý địa bàn, kiểm tra, kiểm soát thị trường kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về giá, kinh doanh hàng hóa nhập lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng, không

bảo đảm an toàn thực phẩm và các hành vi gian lận trong thương mại. Chú trọng các mặt hàng thiết yếu như: Bánh kẹo, rượu bia, nước giải khát, thuốc lá, các mặt hàng thực phẩm tươi sống ... được tiêu dùng nhiều trong dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, các mặt hàng có nhu cầu cao trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19, như: Khẩu trang y tế, nước sát khuẩn, thuốc chữa bệnh...

- Chỉ đạo các Đội Quản lý thị trường phụ trách, quản lý địa bàn có đường biên giới, tăng cường công tác phối hợp với các lực lượng chức năng như: Hải quan, Công an, Bộ đội biên phòng, thanh tra chuyên ngành ... làm tốt công tác phòng, chống buôn lậu qua biên giới, nhất là các mặt hàng gia súc, gia cầm và các mặt hàng có nhu cầu cao trong dịp Tết Nguyên đán; tập trung kiểm tra các khu vực kho bãi, điểm tập kết hàng hóa gần biên giới, các chợ đầu mối, chợ chuyên doanh, các tuyến đường bộ ... phòng ngừa, ngăn chặn hàng hóa vi phạm vận chuyển từ biên giới vào địa bàn để tiêu thụ.

14. Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Sơn La

- Tổ chức tốt công tác cung ứng tiền mặt theo quy định, chỉ đạo các tổ chức tín dụng bảo đảm hệ thống máy giao dịch tự động (ATM) hoạt động an toàn, thông suốt; tăng cường hoạt động thanh toán phục vụ sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu; tổ chức các dịch vụ ngoại hối, thu đổi ngoại tệ phục vụ khách du lịch; tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý, sử dụng tiền mệnh giá nhỏ, lẻ hợp lý, tiết kiệm trong dịp Tết; bảo đảm an ninh, an toàn kho quỹ.

- Chủ động có các giải pháp phù hợp nhằm ổn định thị trường tiền tệ, tỷ giá và thị trường vàng; tăng cường thanh tra, kiểm tra và giám sát hoạt động của các tổ chức tín dụng, bảo đảm thanh khoản và an toàn hệ thống thanh toán; phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường kiểm tra, kịp thời xử lý vi phạm trong hoạt động mua, bán ngoại tệ, vàng và dịch vụ đổi, kinh doanh tiền mặt mệnh giá nhỏ lẻ trái phép.

15. Cục Thuế tỉnh

Đẩy mạnh các biện pháp kiểm tra, thanh tra chống thất thu, gian lận thuế, giảm nợ đọng thuế, chấn chỉnh công tác hoàn thuế; Tăng cường các biện pháp quản lý thu ngân sách gắn với quản lý thị trường, bình ổn giá cả.

16. Kho bạc Nhà nước tỉnh

Kiểm soát chặt chẽ các nội dung chi, nhất là các khoản chi khác. Kiên quyết xuất toán các khoản chi mua sắm quà tết không đúng đối tượng quy định.

17. Điện lực Sơn La

- Rà soát, xây dựng kế hoạch cung ứng điện, thực hiện các giải pháp đảm bảo đủ điện phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của nhân dân và cung cấp điện cho các cơ sở y tế để phục vụ khám chữa bệnh.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền và sử dụng điện an toàn, tiết kiệm, hiệu quả; chú trọng công tác phòng chống cháy nổ do chập điện tại các nơi công cộng, chợ, khu vui chơi và khu dân cư.

18. UBND các huyện, thành phố

- Triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ giải pháp theo Nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành nhằm bình ổn giá cả thị trường, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022.

- Phối hợp với Sở Công Thương và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi sát tình hình dịch tả lợn Châu Phi; chủ động có phương án đảm bảo nguồn cung, ổn định thị trường, tránh xảy ra tình trạng tăng giá đột biến, mất kiểm soát.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá; có biện pháp bảo đảm đủ nguồn cung hàng hóa, nhất là các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng do đầu cơ, gom hàng, gây sốt giá, ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống người dân, đến trật tự, an toàn xã hội trong những tháng cuối năm và dịp Tết Nguyên đán.

- Hướng dẫn các chợ dân sinh, các siêu thị, chuỗi cửa hàng tiện ích trên địa bàn, triển khai tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh, các biện pháp thích ứng an toàn, linh hoạt với dịch bệnh COVID-19 để duy trì hoạt động của các chợ nhằm bảo đảm cung ứng, trao đổi hàng hóa, nhất là các mặt hàng lương thực, thực phẩm cho người dân dịp cuối năm và Tết Nguyên đán.

- Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành triển khai thực hiện các quy định về quản lý giá, bình ổn giá cả thị trường trước, trong và sau Tết Nguyên đán.

- Thành lập Tổ công tác liên ngành của huyện, thành phố để thực hiện kiểm tra, kiểm soát giá cả thị trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật trong lĩnh vực giá cả, thị trường.

III. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Các Sở, ban, ngành: Công Thương; Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giao thông vận tải; Y tế; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tin và Truyền thông; Lao động, Thương binh và Xã hội; Công an tỉnh; Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Sơn La; Cục Thuế tỉnh; Công ty Điện lực Sơn La; Cục Quản lý thị trường tỉnh; Kế hoạch và đầu tư (*Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh*) và UBND các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện Báo cáo UBND tỉnh (*Qua Sở Tài chính, Công thương, Y tế*) cụ thể như sau:

1. Từ ngày 20/12/2021 đến ngày 30/01/2022 (Báo cáo 10 ngày/lần). Báo cáo tình hình triển khai các nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân công và tình hình cung cầu, giá cả hàng hóa tại các huyện, thành phố trong dịp cuối năm.

2. Ngày 05/02/2022 Tổng hợp báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao về công tác đảm bảo cân đối cung cầu, quản lý, điều hành bình ổn giá cả thị trường, đảm bảo trật tự an toàn xã hội dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022, gửi Sở Công Thương, Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài chính và Bộ Công Thương theo quy định.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (B/c);
- Bộ Tài chính (B/c);
- Bộ Công thương (B/c);
- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục QLG - Bộ Tài chính;
- Cục QLTT - Bộ Công thương;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh (LĐVP-CVCK);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, Hà 350 bản.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 35/CT-UBND

Sơn La, ngày 10 tháng 12 năm 2021

CHỈ THỊ

**Về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang
và lễ hội trên địa bàn tỉnh Sơn La “Thích ứng an toàn,
linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”**

Trong thời gian qua, việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Sơn La đã nhận được sự quan tâm, hưởng ứng của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, sự ủng hộ tích cực của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Việc triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ; các Bộ, ban, ngành, đoàn thể của Trung ương và địa phương về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội đã góp phần tạo nên sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động của cán bộ, viên chức, đảng viên và quần chúng nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh. Việc cưới, việc tang và lễ hội được tổ chức phù hợp với điều kiện, đặc điểm, phong tục, tập quán tốt đẹp của từng địa phương, vùng, miền. Việc tuân thủ các quy định về nếp sống văn hóa và quy ước, hương ước bản, tiểu khu, tổ dân phố trong việc cưới ngày càng được các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng, thực hiện nghiêm túc.

Tuy nhiên, trước diễn biến phức tạp, khó lường của dịch bệnh Covid-19, nguy cơ bùng phát dịch bệnh trở lại rất cao, việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội có những biểu hiện chủ quan, lơ là của một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân trong thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch.

Để tiếp tục thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19, nêu cao vai trò, trách nhiệm của Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân, trong thời gian tới, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các tổ chức chính trị xã hội, đoàn thể tập trung triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố

1.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

Phát huy ý thức tự nguyện, tự giác của các tầng lớp nhân dân và vai trò tự quản của cộng đồng, tạo được dư luận mạnh mẽ, phê phán các biểu hiện tiêu cực trong tổ chức việc cưới, việc tang và lễ hội trong tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp như hiện nay, để nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trở thành nét đẹp trong bản sắc văn hoá các dân tộc tỉnh Sơn La.

- Phát huy vai trò tự giác, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong thực hiện nếp sống văn minh đối với việc cưới, việc tang. Đồng thời, kiên quyết đấu tranh, xử lý các biểu hiện và hành vi lệch lạc, thiếu lành mạnh, văn minh trong việc cưới, việc tang.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang gắn với thực hiện phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”* ở địa phương.

- Chú trọng công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường, trật tự an toàn xã hội. Khuyến khích các địa phương vận động nhân dân thực hiện hỏa táng khi nhà có tang sự.

1.2. Quán triệt đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương: Nâng cao nhận thức trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên theo Quy định số 889-QĐ/TU ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; gương mẫu đi đầu thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19; đặc biệt là thực hiện nghiêm quy định 5K *“Khẩu trang - Khử khuẩn - Khoảng cách - Không tập trung - Khai báo y tế”* trong công tác phòng, chống dịch; tuyệt đối không lơ là, chủ quan, mất cảnh giác trong công tác phòng, chống dịch. Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, tổ chức chính trị xã hội, đoàn thể: Gương mẫu đi đầu chấp hành những quy định của Nhà nước, hương ước, quy ước của Bản, tiểu khu, tổ dân phố về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, tránh xa hoa trong việc cưới, việc tang, coi đây là một trong những tiêu chuẩn đánh giá cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

1.3. Đẩy mạnh các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, vận động bằng nhiều hình thức, nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về quy định tạm thời *“Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”*; Hướng dẫn số 3862/HD-BVHTTDL ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ ban hành quy định tạm thời *“Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”* trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch; Công văn số 1250-CV/TU ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc tăng cường trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong công tác phòng, chống dịch COVID-19.

1.4. Tuyên truyền, vận động gia đình, người thân và nhân dân tổ chức thực hiện nếp sống văn minh nơi cư trú, chấp hành nghiêm việc thực hiện quy định 5K về phòng, chống dịch COVID-19 trong tổ chức việc cưới, việc tang và tham gia lễ hội, các hoạt động tập trung đông người:

- Đối với việc cưới, hỏi, tiệc mừng, liên hoan: Chỉ tổ chức khi đáp ứng các yêu cầu theo từng cấp độ dịch. Việc tổ chức đám hỏi, đón dâu ..., chỉ thực hiện trong nội bộ gia đình và phải đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định. Khuyến khích hình thức báo hỷ trong tổ chức tiệc cưới. Trường hợp được phép tổ chức: Gia đình tổ chức lễ cưới phải nắm bắt chính xác danh sách khách mời, đặc biệt đối với khách tỉnh ngoài đến tham dự; báo cáo, cam kết với chính quyền địa phương (*Ban Quản lý bản, tiểu khu, tổ dân phố, UBND cấp xã, phường*) về thực hiện đúng quy định phòng, chống dịch; Tổ chức với quy mô phù hợp, tiết kiệm, không xa hoa, lãng phí; phân chia thời gian đón tiếp khách tham dự hợp lý, đảm bảo giãn cách không tập trung đông người; thực hiện quét mã QR tại nơi tổ chức.

- Đối với việc hiếu, việc tang: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu phòng chống dịch theo từng cấp độ. Việc tổ chức lễ giỗ, cải cát, 49 ngày, 100 ngày... chỉ thực hiện trong nội bộ gia đình và phải đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường theo quy định. Rút ngắn thời gian tổ chức lễ tang (*để người chết trong nhà không quá 24 giờ*). Thực hiện nghi thức nhanh gọn, lược giản, giảm bớt tối đa các nghi lễ không cần thiết ... Hạn chế tối đa người đến viếng, cử người đại diện tham dự lễ tang đảm bảo giãn cách không tập trung đông người; thực hiện quét mã QR tại nơi tổ chức. Khuyến khích người thân, bạn bè, thân hữu gần xa ... sử dụng hình thức chia buồn bằng điện hoa, điện chia buồn. Không tổ chức ăn uống tại lễ tang cho người tham dự lễ tang.

- Đối với lễ hội: Chỉ tổ chức khi được sự cho phép của cấp có thẩm quyền. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu phòng chống dịch theo từng cấp độ.

1.5. Cấp ủy chính quyền địa phương, thủ trưởng cơ quan đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trong tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp như hiện nay để thực hiện. Cương quyết chỉ đạo không tổ chức tiệc cưới, hỏi, lễ hội ... khi địa phương bị phân loại cấp độ dịch mức độ 3,4; tổ chức đám tang với nghi thức nhanh gọn, lược giản, giảm bớt tối đa các nghi lễ không cần thiết theo đúng hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

1.6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Chỉ đạo, hướng dẫn UBND các xã, phường, thị trấn, các bản, tổ dân phố bổ sung các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 vào hương ước, quy ước của bản, tiểu khu, tổ dân phố (*theo Công văn số 2411/SVHTT&DL-NSVHGD ngày 11/11/2021 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn bổ sung các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 vào hương ước, quy ước của bản, tiểu khu, tổ dân phố*); tuyên truyền, phổ biến nội dung các quy định đến các cơ quan, đơn vị, cán bộ công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn quản lý; chỉ đạo các

xã, phường, thị trấn, các bản, tổ dân phố nghiêm chỉnh chấp hành thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội “*Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19*”; tổ chức kiểm tra việc thực hiện trên địa bàn theo chức năng, quyền hạn được giao.

1.7. UBND các xã, phường, thị trấn tuyên truyền, phổ biến nội dung Chỉ thị đến quần chúng nhân dân trên địa bàn quản lý; Tổ chức họp bàn, trưng cầu ý kiến nhân dân; Hướng dẫn các bản, tiểu khu, tổ dân phố ... bổ sung các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 vào hương ước, quy ước của bản, tiểu khu, tổ dân phố. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện trên địa bàn quản lý. Phát huy vai trò vận động, kiểm tra, giám sát của các Tổ COVID cộng đồng.

1.8. Thường xuyên sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm kịp thời; khen thưởng, tuyên dương tập thể và cá nhân thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội “*Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19*”.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Trên cơ sở quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về thực hiện việc cưới, việc tang và lễ hội “*Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19*”, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức hướng dẫn cho các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố trong tỉnh về những yêu cầu và nghi thức cụ thể, phù hợp, nhằm thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Đồng thời, đề xuất các giải pháp ngăn chặn, đẩy lùi các hủ tục; tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng những mô hình tổ chức việc cưới, việc tang và lễ hội văn minh, tiến bộ. Gắn việc thực hiện quy ước, hương ước về việc cưới, việc tang và lễ hội với xây dựng gia đình văn hóa, bản văn hóa, cơ quan đơn vị, trường học văn hóa trong phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”.

- Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội ở các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và các địa phương trong tỉnh. Định kỳ tham mưu chỉ đạo sơ kết, tổng kết đánh giá, báo cáo về Trung ương và UBND tỉnh.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan báo chí tuyên truyền, vận động nêu gương mô hình tốt, cách làm hay; phê phán những hành vi, biểu hiện tiêu cực, trái với thuần phong mỹ tục trong việc cưới, việc tang và lễ hội “*Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19*”.

4. Đề nghị Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh

Tuyên truyền vận động đoàn viên thanh niên nghiêm túc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; tăng cường vai trò của tổ chức Đoàn trong việc hỗ trợ thanh niên tổ chức đám cưới văn minh tiết kiệm, trang trọng, vui tươi, lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc, địa phương.

Xây dựng và nhân rộng mô hình điểm: “Đoàn viên thanh niên tổ chức lễ cưới văn minh, tiết kiệm”. Đưa tiêu chí thực hiện tốt quy định vào việc bình xét, phân loại đánh giá, thi đua - khen thưởng hàng năm.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Đẩy mạnh tuyên truyền và vận động các tầng lớp nhân dân, đoàn viên, hội viên thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”. Tham mưu xây dựng và nhân rộng mô hình điểm “*Hội viên, đoàn viên thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang*” “*Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19*”; “*Đoàn viên thanh niên tổ chức lễ cưới văn minh, tiết kiệm*”. Đưa tiêu chí thực hiện tốt quy định vào việc bình xét, phân loại đánh giá, thi đua - khen thưởng hàng năm.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh thông qua Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Báo Sơn La;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu VT, KGVX (D10b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/CT-UBND

Sơn La, ngày 13 tháng 12 năm 2021

CHỈ THỊ

**Về cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự tết
Dương lịch, tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 và các sự kiện lớn của đất nước**

Năm 2021, tình hình các mặt của đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn do tác động, ảnh hưởng từ đại dịch COVID-19; tuy nhiên cấp ủy, chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh đã tích cực lãnh đạo, chỉ đạo triển khai hiệu quả nhiều giải pháp đồng bộ, phù hợp bảo đảm an ninh trật tự, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và ổn định cuộc sống của nhân dân. Thời gian tới, vào các dịp trước, trong và sau Lễ Giáng sinh, tết Dương lịch và tết Nguyên đán cổ truyền, các thế lực thù địch, phần tử cơ hội chính trị sẽ gia tăng các hoạt động chống phá; hoạt động của các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, tình hình trật tự an toàn giao thông, an toàn cháy nổ... có thể gia tăng; cộng hưởng thêm tác động từ những diễn biến khó lường của dịch COVID-19 sẽ làm cho tình hình phức tạp hơn.

Để tiếp tục giữ vững an ninh trật tự, ổn định xã hội, bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn tết Dương lịch, tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 và các sự kiện lớn của đất nước; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu người đứng đầu các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ như sau:

1. Tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Tỉnh về công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới, nhất là Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về "*Chiến lược bảo vệ An ninh Quốc gia*"; Kết luận số 150KL/TW ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Chính trị về "*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh trật tự trong tình hình mới*"; Kết luận số 13-KL/TW ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị về "*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*"; Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy; Chương trình phòng, chống ma túy đến năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ; Kết luận số 02-KL/TW ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 47-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về "*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng cháy, chữa cháy*"...

Phát huy vai trò trách nhiệm người đứng đầu, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia thực hiện quyết liệt, có hiệu quả các

biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự trong điều kiện “*thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19*”.

2. Lực lượng Công an chủ trì phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố mở đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo vệ tết Dương lịch, tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 và các sự kiện lớn của đất nước (*thời gian thực hiện trong 02 tháng, từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày 14 tháng 02 năm 2022*). Triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, tấn công quyết liệt các loại tội phạm, kịp thời giải quyết những vấn đề phức tạp nổi lên về trật tự xã hội. Tập trung trấn áp mạnh các ổ nhóm, tụ điểm phức tạp, tội phạm gây án nghiêm trọng, côn đồ, hung hãn; hoạt động “*tín dụng đen*”, gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ, mua bán người, xâm hại tình dục trẻ em, xâm phạm sở hữu (*cướp, cướp giết, cưỡng đoạt, trộm cắp, lừa đảo...*), tệ nạn xã hội (*cờ bạc, mại dâm*); triệt phá các đường dây mua bán, vận chuyển ma túy, các điểm bán lẻ, tổ chức, sử dụng trái phép ma túy; đẩy mạnh phát hiện, đấu tranh với tội phạm tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng cấm, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, khoáng sản, an toàn thực phẩm...; ngăn chặn hiệu quả các hành vi trục lợi trong quá trình triển khai các gói hỗ trợ an sinh xã hội, phục hồi phát triển kinh tế.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, năng lực điều hành của các cấp, các ngành nhất là ở cơ sở. Nắm chắc, kiểm soát chặt chẽ tình hình có liên quan đến các vấn đề dân tộc, tôn giáo, an ninh nông thôn; tình hình, tiến độ thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm; tập trung rà soát, xác định các vụ tranh chấp, khiếu kiện, những vấn đề bức xúc nổi lên trong nhân dân để phát hiện và ngăn chặn, xử lý kịp thời từ cơ sở, kiên quyết không để xảy ra tập trung đông người, vượt cấp, gây rối ANTT, trở thành “điểm nóng”.... Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Tăng cường rà soát, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin, nhất là trên các nền tảng mạng xã hội, ngăn chặn, xử lý kịp thời các thông tin xấu, độc; nắm, quản lý các hoạt động từ thiện trong dịp tết, không để các đối tượng xấu lợi dụng thực hiện âm mưu, ý đồ chính trị xấu tác động vào địa bàn.

4. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, trọng tâm là quản lý cư trú, quản lý người nước ngoài, quản lý xuất nhập cảnh, quản lý các ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý chặt chẽ các loại đối tượng tại xã, phường, thị trấn, lập hồ sơ đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cai nghiện bắt buộc; tổ chức tốt công tác tuần tra, kiểm soát công khai, mật phục để phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm.

Triển khai quyết liệt các giải pháp ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước công dân phục vụ quản lý xã hội và phòng chống tội phạm; tập trung triển khai Chỉ thị số 32/CT-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ

hỗ trợ và pháo trên địa bàn tỉnh; đặc biệt là thực hiện quyết liệt các giải pháp ngăn chặn pháo, không để xảy ra tình trạng phức tạp về mua bán, vận chuyển, sử dụng pháo trái phép trước, trong và sau tết Nguyên đán.

Tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, tập trung xử lý các vi phạm là nguyên nhân trực tiếp gây tai nạn giao thông, vi phạm về nồng độ cồn, ma túy, quá tải; chủ động có phương án phòng ngừa, giải quyết ùn tắc giao thông, không để xảy ra ãa xe trái phép. Tiếp tục phổ biến, giáo dục kiến thức pháp luật, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy cho nhân dân; tăng cường thực hiện cao điểm tuyên truyền, kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy đối với khu dân cư, hộ gia đình, nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh, chú trọng thời điểm tết Nguyên đán và các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội đầu năm; không để xảy ra cháy phức tạp, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản.

5. Phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân, phát huy vai trò và trách nhiệm nòng cốt, xung kích của lực lượng vũ trang trong bảo đảm an ninh, trật tự, hiệu quả hoạt động của các mô hình tự phòng, tự quản. Tuyên truyền, vận động Nhân dân nâng cao cảnh giác, tích cực tham gia tố giác tội phạm, cảm hóa, giáo dục, quản lý người phạm tội tại gia đình và cộng đồng dân cư, giải quyết kịp thời các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân góp phần không để phát sinh tội phạm.

6. Căn cứ tình hình thực tế, các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố chủ động có phương án tăng cường cán bộ xuống cơ sở, phối hợp với lực lượng Công an đảm bảo an ninh trật tự trong dịp Tết. Tăng cường công tác quản lý, giáo dục cán bộ công nhân viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Thực hiện hiệu quả chính sách an sinh xã hội, nhất là đối với các trường hợp bị ảnh hưởng của dịch COVID-19, người có công, người nghèo, không để người dân nào không có tết. Chủ động có phương án bảo vệ an toàn cơ quan, đơn vị; tổ chức vui tết, đón xuân an toàn tiết kiệm; gắn với tiếp tục thực hiện nghiêm các yêu cầu trong bối cảnh thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

Giao Công an tỉnh chủ trì, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này, thường xuyên báo cáo tình hình với Chủ tịch UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Công an (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP phụ trách NC;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, NC, ĐH30b.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com